

QUYẾT ĐỊNH

*V/v: Công nhận đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh cho sinh viên chính quy khóa 61
chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 2289/QĐ-ĐHTM ngày 04/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023;

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-ĐHTM ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1240/QĐ-ĐHTM ngày 18/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định triển khai chương trình Tiếng Anh bổ sung đối với sinh viên chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-ĐHTM ngày 03/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên thuộc chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh cho 1.742 sinh viên chính quy khóa 61 chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP), cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh (IPOP): 145 sinh viên
- Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn (IPOP): 78 sinh viên

- Chương trình đào tạo Marketing thương mại (IPOP): 144 sinh viên
- Chương trình đào tạo Quản trị thương hiệu (IPOP): 88 sinh viên
- Chương trình đào tạo Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICEAW CFAB (IPOP): 118 sinh viên
- Chương trình đào tạo Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICEAW CFAB (IPOP): 102 sinh viên
- Chương trình đào tạo Logistics và Xuất nhập khẩu (IPOP): 162 sinh viên
- Chương trình đào tạo Thương mại quốc tế (IPOP): 116 sinh viên
- Chương trình đào tạo Kinh tế và Quản lý đầu tư (IPOP): 116 sinh viên
- Chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng thương mại (IPOP): 107 sinh viên
- Chương trình đào tạo Thương mại điện tử (IPOP): 152 sinh viên
- Chương trình đào tạo Quản trị Hệ thống thông tin (IPOP): 89 sinh viên
- Chương trình đào tạo Luật kinh doanh (IPOP): 110 sinh viên
- Chương trình đào tạo Quản trị nhân lực doanh nghiệp (IPOP): 126 sinh viên
- Chương trình đào tạo Tiếng Trung thương mại (IPOP): 89 sinh viên

(có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ 1 năm học 2025-2026.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch Tài chính, Pháp chế và Thanh tra; Trưởng các Khoa/Viện quản lý chuyên ngành đào tạo; các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ KINH DOANH (IPOP)**

(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV	MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Lê Hoài An	25D106001	K61AAI1	iELTS5			
2	Đỗ Nguyễn Hùng Anh	25D106045	K61AAI2	iELTS6.5	7.25		
3	Đào Thị Lan Anh	25D106089	K61AAI3	iELTS6			
4	Đinh Hải Anh	25D106133	K61AAI4	iELTS5			
5	Đồng Lê Anh	25D106002	K61AAI1	iELTS5.5			
6	Đặng Minh Anh	25D106046	K61AAI2	iELTS5.5			
7	Đặng Thục Phương Anh	25D106090	K61AAI3	iELTS5			
8	Hoàng Minh Anh	25D106134	K61AAI4	iELTS5.5			
9	Hoàng Ngọc Anh	25D106003	K61AAI1	iELTS6.5			
10	Lê Nguyễn Duy Anh	25D106047	K61AAI2	SAT1000			
11	Lê Quỳnh Anh	25D106091	K61AAI3	iELTS6			
12	Lương Hồng Anh	25D106135	K61AAI4	iELTS6			
13	Nguyễn Kiều Anh	25D106004	K61AAI1	iELTS5.5			
14	Nguyễn Nam Anh	25D106048	K61AAI2	iELTS5.5			
15	Nguyễn Ngọc Châu Anh	25D106092	K61AAI3	iELTS5.5			
16	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	25D106136	K61AAI4	iELTS5.5			
17	Nguyễn Phương Anh	25D106049	K61AAI2	iELTS5			
18	Nguyễn Phương Anh	25D106137	K61AAI4	iELTS5			
19	Nguyễn Tuấn Nhật Anh	25D106006	K61AAI1	iELTS5.5			
20	Nguyễn Văn Anh	25D106050	K61AAI2	iELTS5.5			
21	Phạm Quốc Anh	25D106094	K61AAI3	iELTS5.5			
22	Trịnh Đình Thiện Anh	25D106051	K61AAI2	iELTS6.5			
23	Trịnh Hoàng Anh	25D106095	K61AAI3	iELTS6			
24	Tạ Thị Ngọc Ánh	25D106139	K61AAI4	iELTS6			
25	Đinh Xuân Bách	25D106008	K61AAI1	iELTS6.5	7.5		
26	Đỗ Bảo Bảo	25D106052	K61AAI2	iELTS5.5			
27	Nguyễn Long Gia Bảo	25D106096	K61AAI3	iELTS6.5			
28	Nguyễn Thế Bảo	25D106140	K61AAI4	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Ngô Thị Minh	Châu	25D106009	K61AAI1	iELTS5.5			
30	Nguyễn Huỳnh Bảo	Châu	25D106053	K61AAI2	iELTS5.5			
31	Nguyễn Quỳnh	Chi	25D106097	K61AAI3	IELTS6			
32	Nguyễn Yên	Chi	25D106141	K61AAI4	iELTS5.5			
33	Trần Khánh	Chi	25D106010	K61AAI1	iELTS5.5			
34	Vũ Thị	Chi	25D106054	K61AAI2	iELTS7	7.5		
35	Bùi Đỗ	Dũng	25D106098	K61AAI3	iELTS5.5			
36	Bùi Trung	Dũng	25D106142	K61AAI4	iELTS7	7.75		
37	Dương Minh	Dũng	25D106011	K61AAI1	iELTS6.5			
38	Nguyễn Hữu Hoàng	Dương	25D106143	K61AAI4	iELTS5.5			
39	Huỳnh Tuấn	Đạt	25D106012	K61AAI1	iELTS5.5			
40	Ngô Minh	Đạt	25D106056	K61AAI2	iELTS6	7.25		
41	Nguyễn Thành	Đạt	25D106144	K61AAI4	iELTS5.5			
42	Dương Việt	Đức	25D106057	K61AAI2	iELTS6			
43	Đoàn Phùng Việt	Đức	25D106101	K61AAI3	iELTS5.5			
44	Nguyễn Doãn	Đức	25D106145	K61AAI4	iELTS6			
45	Nguyễn Minh	Đức	25D106014	K61AAI1	iELTS5.5			
46	Trần Đình	Đức	25D106058	K61AAI2	iELTS6			
47	Đào Linh	Giang	25D106102	K61AAI3	iELTS6			
48	Nguyễn Hương	Giang	25D106146	K61AAI4	iELTS5			
49	Phùng Vũ Trà	Giang	25D106015	K61AAI1	iELTS6			
50	Hoàng Long	Hải	25D106059	K61AAI2	iELTS5	7		
51	Lê Hoàng	Hải	25D106103	K61AAI3	iELTS6.5			
52	Tổng Minh	Hải	25D106147	K61AAI4	iELTS5			
53	Vũ Hồng	Hạnh	25D106016	K61AAI1	iELTS6			
54	Đào Đăng	Hiếu	25D106104	K61AAI3	iELTS6			
55	Nguyễn Trung	Hiếu	25D106148	K61AAI4	iELTS5			
56	Trần Thiện	Hiếu	25D106017	K61AAI1	iELTS6			
57	Vũ Việt	Hoàng	25D106061	K61AAI2	iELTS6			
58	Hoàng Gia	Huy	25D106105	K61AAI3	iELTS6			
59	Nguyễn Gia	Huy	25D106062	K61AAI2	iELTS6.5			
60	Nguyễn Ngọc	Huy	25D106106	K61AAI3		9		
61	Nguyễn Tôn Việt	Huy	25D106150	K61AAI4	iELTS6			
62	Hoàng Gia	Hưng	25D106019	K61AAI1	iELTS6			
63	Vũ Thị Huệ	Khanh	25D106063	K61AAI2	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Đào Duy	Khánh	25D106107	K61AAI3	iELTS5.5			
65	Trần Văn	Khánh	25D106151	K61AAI4	iELTS7	8		
66	Nguyễn Trung	Kiên	25D106064	K61AAI2	iELTS5.5			
67	Trần Trung	Kiên	25D106152	K61AAI4	iELTS5			
68	Nguyễn Anh	Kiệt	25D106021	K61AAI1	iELTS7	8		
69	Nguyễn Ngọc	Lan	25D106109	K61AAI3	iELTS6			
70	Hà Uyên	Lê	25D106022	K61AAI1	iELTS6	7		
71	Hoàng Phương	Linh	25D106066	K61AAI2	iELTS5			
72	Lưu Phạm Ngọc	Linh	25D106110	K61AAI3	iELTS7	7.25		
73	Nguyễn Khánh	Linh	25D106154	K61AAI4	IELTS6			
74	Nguyễn Khánh	Linh	25D106023	K61AAI1	iELTS6			
75	Phạm Hải	Linh	25D106111	K61AAI3	iELTS5.5			
76	Phạm Nguyễn Phương	Linh	25D106155	K61AAI4	iELTS6	7.5		
77	Phương Thùy	Linh	25D106068	K61AAI2	iELTS5.5			
78	Tạ Châu	Long	25D106112	K61AAI3	iELTS6			
79	Nguyễn Đức	Mạnh	25D106069	K61AAI2	iELTS5.5			
80	Bùi Quang	Minh	25D106113	K61AAI3	iELTS5.5			
81	Đặng Hoàng	Minh	25D106157	K61AAI4	iELTS7	8.75		
82	Đặng Tường	Minh	25D106026	K61AAI1	iELTS6.5			
83	Nguyễn Bá Nhật	Minh	25D106114	K61AAI3	iELTS7			
84	Nguyễn Đức	Minh	25D106158	K61AAI4	iELTS6			
85	Nguyễn Lê	Minh	25D106071	K61AAI2	iELTS6.5			
86	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	25D106159	K61AAI4	iELTS6			
87	Phạm Quang	Minh	25D106028	K61AAI1	iELTS5.5			
88	Tổng Thị Ngọc	Minh	25D106072	K61AAI2	iELTS5			
89	Trần Gia	Minh	25D106116	K61AAI3	IELTS7			
90	Trần Nhật	Minh	25D106160	K61AAI4	iELTS6			
91	Trương Quang	Minh	25D106029	K61AAI1	iELTS6			
92	Vũ Hà Tuệ	Minh	25D106073	K61AAI2	iELTS6			
93	Nguyễn Thị Hà	My	25D106117	K61AAI3	iELTS5.5			
94	Đặng Nhật	Nam	25D106161	K61AAI4	iELTS6.5			
95	Lưu Hải	Nam	25D106030	K61AAI1	iELTS6			
96	Vũ Hồng	Nga	25D106074	K61AAI2	iELTS5.5			
97	Bùi Diệu	Ngân	25D106118	K61AAI3	iELTS6			
98	Đoàn Hiếu	Ngân	25D106162	K61AAI4	iELTS6.5	7.25		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Bùi Nguyễn Bảo	Ngọc	25D106031	K61AAI1	iELTS6	7.25		
100	Đoàn Bảo	Ngọc	25D106075	K61AAI2	iELTS6	7.75		
101	Vũ Bảo	Ngọc	25D106119	K61AAI3	iELTS6			
102	Bùi Quang Bảo	Nguyên	25D106163	K61AAI4	iELTS5.5			
103	Đỗ Phương	Nguyên	25D106032	K61AAI1	SAT1030			
104	Trương Khôi	Nguyên	25D106076	K61AAI2	iELTS6.5			
105	Bùi Thị Uyển	Nhi	25D106164	K61AAI4	iELTS5.5			
106	Nguyễn Phương	Nhi	25D106033	K61AAI1	iELTS5			
107	Nguyễn Yến	Nhi	25D106077	K61AAI2	iELTS5			
108	Nguyễn Tuấn	Phong	25D106034	K61AAI1	iELTS6			
109	Nguyễn Kim	Phú	25D106078	K61AAI2	iELTS6.5			
110	Nguyễn Xuân	Phú	25D106122	K61AAI3	iELTS5.5			
111	Đào Hải	Phúc	25D106166	K61AAI4	iELTS5.5			
112	Bùi Thu	Phương	25D106035	K61AAI1	iELTS6			
113	Vũ Trang	Phương	25D106079	K61AAI2	iELTS5.5			
114	Trần Minh	Quang	25D106123	K61AAI3	iELTS5.5			
115	Mai Anh	Quân	25D106167	K61AAI4	iELTS6	7		
116	Nguyễn Minh	Sơn	25D106036	K61AAI1	iELTS5.5			
117	Hà Thanh	Tâm	25D106080	K61AAI2	iELTS6.5			
118	Đặng Anh	Thái	25D106168	K61AAI4	iELTS6			
119	Vũ Thanh	Thảo	25D106081	K61AAI2	iELTS5			
120	Nguyễn Văn	Thế	25D106124	K61AAI3	iELTS6	7		
121	Nguyễn Đình	Thiện	25D106169	K61AAI4	iELTS5.5			
122	Nguyễn Đình Phú	Thịnh	25D106038	K61AAI1	iELTS6.5	8.5		
123	Trần Minh	Thu	25D106082	K61AAI2	iELTS5.5			
124	Phan Giang Việt	Thy	25D106125	K61AAI3	iELTS5.5			
125	Đỗ Quỳnh	Trang	25D106170	K61AAI4	iELTS5.5			
126	Đặng Thu	Trang	25D106039	K61AAI1	iELTS6			
127	Hà Minh	Trang	25D106083	K61AAI2	iELTS5.5			
128	Văn Thị Huyền	Trang	25D106127	K61AAI3	iELTS5.5			
129	Vũ Quỳnh	Trang	25D106171	K61AAI4	iELTS5			
130	Cao Ngọc	Trâm	25D106040	K61AAI1	iELTS6.5	7.5		
131	Trần Kiều	Trình	25D106084	K61AAI2	iELTS5.5			
132	Phạm Thành	Trung	25D106128	K61AAI3	iELTS6			
133	Nguyễn Nhật	Trương	25D106172	K61AAI4	iELTS6.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
134	Nguyễn Tuấn	Tú	25D106173	K61AAI4	iELTS5			
135	Nguyễn Văn	Tú	25D106041	K61AAI1	iELTS5.5			
136	Trần Mạnh	Tuấn	25D106085	K61AAI2	iELTS6			
137	Lưu Thị	Tuyết	25D106129	K61AAI3	iELTS5.5			
138	Nguyễn Hoàng	Uyên	25D106042	K61AAI1	iELTS6			
139	Phan Thị Phương	Uyên	25D106086	K61AAI2	iELTS5			
140	Vũ Bảo	Uyên	25D106130	K61AAI3	iELTS6			
141	Lê Tường	Vi	25D106174	K61AAI4	VSTEPVSTEP4			
142	Phạm Khánh	Vi	25D106043	K61AAI1	iELTS6			
143	Đặng Phúc	Vinh	25D106131	K61AAI3	iELTS7	7.25		
144	Nguyễn Nhật	Vinh	25D106175	K61AAI4	iELTS6.5	8.5		
145	Phùng Quang	Vinh	25D106044	K61AAI1	iELTS6			



KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]

GS,TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN (IPOP)**

(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Đinh Tùng	Anh	25D255002	K61BKI1	iELTS5.5			
2	Hoàng Nguyễn Nhật	Anh	25D255053	K61BKI2	iELTS6.5	7.5		
3	Lưu Nguyễn Mai	Anh	25D255003	K61BKI1	iELTS6.5			
4	Nguyễn Thị Phương	Anh	25D255054	K61BKI2	iELTS5.5			
5	Nguyễn Vũ Hải	Anh	25D255004	K61BKI1	iELTS6	7.5		
6	Phạm Nguyễn Minh	Anh	25D255055	K61BKI2	iELTS6			
7	Trần Đức	Anh	25D255056	K61BKI2	iELTS5			
8	Nguyễn Gia	Bảo	25D255057	K61BKI2	iELTS6			
9	Nguyễn Hà	Chi	25D255007	K61BKI1	iELTS6			
10	Nguyễn Ánh	Dương	25D255009	K61BKI1	iELTS5.5			
11	Hoàng Chính	Đức	25D255060	K61BKI2	iELTS5.5			
12	Nguyễn Hương	Giang	25D255010	K61BKI1	iELTS5.5			
13	Trần Thu	Hà	25D255061	K61BKI2	iELTS6			
14	Lê San	Hải	25D255062	K61BKI2	iELTS6			
15	Trần Nguyên	Hạnh	25D255012	K61BKI1	iELTS6			
16	Bùi Thị Minh	Hằng	25D255063	K61BKI2	iELTS6			
17	Nguyễn Đức	Hoàng	25D255014	K61BKI1	iELTS6.5			
18	Phan Minh	Hoàng	25D255065	K61BKI2	iELTS6			
19	Trần Phúc	Hoàng	25D255015	K61BKI1	iELTS6.5			
20	Đặng Đức	Huy	25D255016	K61BKI1	iELTS6.5			
21	Kiều Gia	Huy	25D255067	K61BKI2	iELTS6			
22	Vũ Quang	Huy	25D255017	K61BKI1	iELTS5			
23	Lê Mai	Khanh	25D255068	K61BKI2	iELTS5.5			
24	Khuong	Khánh	25D255018	K61BKI1	iELTS6.5	7.75		
25	Nguyễn Nam	Khánh	25D255069	K61BKI2	iELTS5.5			
26	Nguyễn Xuân	Khánh	25D255019	K61BKI1	iELTS5.5			
27	Trần Ngọc	Khôi	25D255070	K61BKI2	iELTS5.5			
28	Trần Ngọc	Khôi	25D255020	K61BKI1	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Nguyễn Minh	Khuê	25D255071	K61BKI2	iELTS5.5			
30	Nguyễn Trung	Kiên	25D255072	K61BKI2	iELTS6			
31	Dương Tuấn	Kiệt	25D255021	K61BKI1	iELTS6			
32	Nguyễn Hữu Tùng	Lân	25D255022	K61BKI1	iELTS5.5	7.25		
33	Lưu Diệu	Linh	25D255073	K61BKI2	iELTS5.5			
34	Nguyễn Ngọc	Linh	25D255074	K61BKI2	iELTS5			
35	Nguyễn Thị Diệu	Linh	25D255024	K61BKI1	VSTEPVSTEP4			
36	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	25D255075	K61BKI2	iELTS5			
37	Phạm Khánh	Ly	25D255027	K61BKI1	iELTS6.5			
38	Hồ Tuệ	Minh	25D255028	K61BKI1	iELTS5.5			
39	Hoàng Nhật	Minh	25D255079	K61BKI2	iELTS5.5			
40	Nguyễn Đức	Minh	25D255029	K61BKI1	iELTS6.5	7.25		
41	Nguyễn Đức	Minh	25D255080	K61BKI2	iELTS6			
42	Phạm Nhật	Minh	25D255030	K61BKI1	iELTS5.5			
43	Dương Trà	My	25D255081	K61BKI2	iELTS5			
44	Đào Ngọc Hà	My	25D255031	K61BKI1	iELTS5.5			
45	Phạm Minh Thảo	My	25D255082	K61BKI2	iELTS5			
46	Phùng Nhật	Nam	25D255032	K61BKI1	iELTS6			
47	Trần Phương	Nam	25D255083	K61BKI2	iELTS6.5			
48	Nguyễn Phương	Ngân	25D255084	K61BKI2	iELTS5.5			
49	Nguyễn Minh	Ngọc	25D255085	K61BKI2	iELTS5			
50	Phan Khôi	Nguyên	25D255035	K61BKI1	iELTS5.5			
51	Nguyễn Quang	Nhật	25D255086	K61BKI2	iELTS6.5	7.25		
52	Hoàng Linh	Nhi	25D255036	K61BKI1	iELTS5	7.5		
53	Lý Xuân	Nhi	25D255087	K61BKI2	iELTS5			
54	Phạm Băng	Nhi	25D255037	K61BKI1	iELTS6.5			
55	Nguyễn Phạm Hồng	Nhung	25D255038	K61BKI1	iELTS5.5			
56	Trần Nam	Phong	25D255089	K61BKI2	iELTS6.5	8		
57	Đào Thanh	Phương	25D255039	K61BKI1	iELTS5.5			
58	Nguyễn Thị Mai	Phương	25D255090	K61BKI2	iELTS5.5			
59	Tạ Hà	Phương	25D255040	K61BKI1	iELTS6.5			
60	Nguyễn Minh	Quang	25D255091	K61BKI2	iELTS6			
61	Phạm Minh	Quang	25D255041	K61BKI1	iELTS5.5			
62	Đỗ Thị	Quyên	25D255092	K61BKI2	iELTS5.5			
63	Dương Thúy	Quỳnh	25D255042	K61BKI1	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Thanakrit	Santhi	25D255093	K61BKI2	iELTS5.5	7		
65	Tăng Nhất	Sinh	25D255043	K61BKI1	iELTS6			
66	Nguyễn Quốc	Thái	25D255044	K61BKI1	iELTS5.5			
67	Nguyễn Phương	Thảo	25D255095	K61BKI2	iELTS6.5			
68	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	25D255045	K61BKI1	iELTS5.5			
69	Nguyễn Phương	Thùy	25D255096	K61BKI2	SAT1030			
70	Đoàn Anh	Thư	25D255046	K61BKI1	iELTS5.5			
71	Vũ Dương	Trà	25D255047	K61BKI1	iELTS5.5			
72	Trần Minh	Triết	25D255098	K61BKI2	iELTS6.5			
73	Nguyễn Hữu	Trọng	25D255048	K61BKI1	iELTS5.5			
74	Hoàng Thị Cẩm	Tú	25D255049	K61BKI1	iELTS5.5			
75	Nguyễn Trần Lê	Vân	25D255050	K61BKI1	iELTS5.5			
76	Trần Thảo	Vân	25D255101	K61BKI2	iELTS5.5			
77	Nguyễn Thị Hạ	Vi	25D255051	K61BKI1	iELTS5.5			
78	Nguyễn Hoàng	Yến	25D255102	K61BKI2	iELTS5.5			



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MARKETING THƯƠNG MẠI (IPOP)**

*(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hương	Trà	25D125122	K61CCI3	iELTS7	7.75		
2	Hà Vân	Trang	25D125162	K61CCI4	iELTS6	7		
3	Lê Phương	Trang	25D125039	K61CCI1	iELTS6	8		
4	Nguyễn Quỳnh	Trang	25D125081	K61CCI2	iELTS6			
5	Phạm Đoan	Trang	25D125123	K61CCI3	iELTS6			
6	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	25D125163	K61CCI4	IELTS6			
7	Đinh Xuân	Trọng	25D125040	K61CCI1	iELTS6			
8	Nguyễn Đức	Trung	25D125082	K61CCI2	iELTS6	7		
9	Nguyễn Anh	Tú	25D125164	K61CCI4	iELTS6			
10	Phạm Anh	Tú	25D125041	K61CCI1	iELTS6.5	8.5		
11	Phạm Ngọc Cẩm	Tú	25D125083	K61CCI2	iELTS6			
12	Vũ Minh	Tú	25D125124	K61CCI3	iELTS6.5			
13	Vũ Ngọc Tuấn	Tú	25D125165	K61CCI4	iELTS6			
14	Nguyễn Thảo	Vân	25D125125	K61CCI3	iELTS6			
15	Phạm Quang	Vinh	25D125166	K61CCI4	iELTS5.5			
16	Nguyễn Khánh	Vy	25D125042	K61CCI1	iELTS5.5			
17	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	25D125084	K61CCI2	iELTS6			
18	Đào Trần Khánh	An	25D125001	K61CCI1	iELTS5.5			
19	Nguyễn Phạm Thanh	An	25D125043	K61CCI2	iELTS6			
20	Trần Mỹ	An	25D125085	K61CCI3	iELTS7	8		
21	Bùi Phương	Anh	25D125126	K61CCI4	iELTS6			
22	Đào Duy	Anh	25D125002	K61CCI1	iELTS6			
23	Đặng Mai	Anh	25D125044	K61CCI2	iELTS6			
24	Lê Quỳnh	Anh	25D125127	K61CCI4	SAT1060			
25	Nguyễn Đình Quang	Anh	25D125045	K61CCI2	iELTS6.5			
26	Nguyễn Hoàng	Anh	25D125087	K61CCI3	iELTS6.5	7		
27	Nguyễn Phương	Anh	25D125128	K61CCI4	iELTS6			
28	Nguyễn Việt	Anh	25D125046	K61CCI2	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Phạm Trâm	Anh	25D125088	K61CCI3	iELTS5.5			
30	Tiết Trang	Anh	25D125129	K61CCI4	iELTS6			
31	Trần Mai Hồng	Anh	25D125005	K61CCI1	iELTS6.5			
32	Trần Thị Hoài	Anh	25D125047	K61CCI2		7.75		
33	Trần Thục	Anh	25D125089	K61CCI3	iELTS5.5			
34	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25D125006	K61CCI1	iELTS6.5			
35	Nguyễn Hà Gia	Bảo	25D125048	K61CCI2	iELTS5.5			
36	Đinh Ngọc	Châu	25D125007	K61CCI1	iELTS7	7		
37	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	25D125091	K61CCI3	iELTS5			
38	Lê Nguyễn Linh	Chi	25D125131	K61CCI4	iELTS6.5			
39	Lê Quỳnh	Chi	25D125008	K61CCI1	iELTS6	7		
40	Nguyễn Hoàng Khánh	Chi	25D125050	K61CCI2	iELTS6			
41	Phạm Quang	Chiến	25D125092	K61CCI3	SAT1380			
42	Đỗ Thành	Cộng	25D125132	K61CCI4	iELTS6.5	7		
43	Nguyễn Văn Thế	Dân	25D125133	K61CCI4	iELTS6			
44	Nguyễn Ngọc	Diệp	25D125051	K61CCI2	iELTS6			
45	Nguyễn Thị Bích	Diệp	25D125093	K61CCI3	iELTS5.5			
46	Dương Nguyễn Thuỳ	Dung	25D125134	K61CCI4	iELTS6			
47	Trần Thị Ngọc	Dung	25D125010	K61CCI1	iELTS7.5			
48	Hoàng Tuấn	Dũng	25D125052	K61CCI2	iELTS6			
49	Mai Tấn	Dũng	25D125094	K61CCI3	iELTS6			
50	Nguyễn Tiến	Dũng	25D125011	K61CCI1	iELTS6.5	8.5		
51	Nguyễn Trí	Dũng	25D125053	K61CCI2	iELTS6.5	7.5		
52	Phạm Tấn	Dũng	25D125095	K61CCI3	iELTS6.5			
53	Dương Vũ Đức	Duy	25D125136	K61CCI4	iELTS6.5			
54	Đỗ Thị Thu	Duyên	25D125012	K61CCI1	iELTS6			
55	Nguyễn Ánh	Dương	25D125054	K61CCI2	iELTS5.5			
56	Nguyễn Thùy	Dương	25D125096	K61CCI3	iELTS7	8.25		
57	Nguyễn Tuấn	Dương	25D125137	K61CCI4	iELTS6			
58	Nguyễn Phú	Đạt	25D125013	K61CCI1	iELTS6			
59	Nguyễn Trung	Đạt	25D125055	K61CCI2	iELTS6			
60	Dương Hải	Đăng	25D125138	K61CCI4	iELTS6.5			
61	Doãn Hương	Giang	25D125014	K61CCI1	iELTS6			
62	Hoàng Thu	Giang	25D125056	K61CCI2	iELTS6			
63	Nguyễn Hoàng	Giang	25D125098	K61CCI3	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Hương	Giang	25D125139	K61CCI4	iELTS5.5			
65	Dương Ngọc	Hà	25D125057	K61CCI2	iELTS6			
66	Đỗ Ngọc	Hà	25D125099	K61CCI3	iELTS6	7.25		
67	Nguyễn Khánh	Hà	25D125140	K61CCI4	iELTS6			
68	Trần Mỹ	Hạnh	25D125016	K61CCI1	iELTS6			
69	Trần Thu	Hằng	25D125058	K61CCI2	iELTS5.5			
70	Hà Minh	Hoàn	25D125017	K61CCI1	iELTS6.5			
71	Phạm Vũ	Hoàng	25D125059	K61CCI2	iELTS6			
72	Bùi Thái	Huy	25D125101	K61CCI3	iELTS6.5			
73	Đỗ Thị	Huyền	25D125142	K61CCI4	iELTS6			
74	Lê Ngọc	Huyền	25D125018	K61CCI1	iELTS6			
75	Lê Hoàng Quốc	Hưng	25D125102	K61CCI3	iELTS5.5			
76	Ngô Gia	Hưng	25D125143	K61CCI4	iELTS6	7.5		
77	Nguyễn Gia	Hưng	25D125019	K61CCI1	iELTS6			
78	Nguyễn Tuấn	Hưng	25D125103	K61CCI3	iELTS5.5			
79	Bùi Thu	Hương	25D125144	K61CCI4	iELTS6.5			
80	Đào Thị Mai	Hương	25D125020	K61CCI1	iELTS5.5			
81	Hoàng Thảo	Hương	25D125062	K61CCI2	iELTS5			
82	Nguyễn Thị Mai	Hương	25D125104	K61CCI3	iELTS5.5	7.25		
83	Ngô An	Khánh	25D125145	K61CCI4	iELTS6			
84	Chu Tùng	Lâm	25D125021	K61CCI1	iELTS6.5			
85	Tô Ngọc Bảo	Lâm	25D125063	K61CCI2	iELTS7			
86	Bùi Gia	Linh	25D125105	K61CCI3	iELTS7			
87	Bùi Phương	Linh	25D125146	K61CCI4	iELTS6.5	7		
88	Đinh Thị Khánh	Linh	25D125022	K61CCI1	SAT1450			
89	Nguyễn Hà	Linh	25D125064	K61CCI2	iELTS6			
90	Nguyễn Hoàng Thùy	Linh	25D125106	K61CCI3	iELTS7			
91	Nguyễn Ngọc	Linh	25D125147	K61CCI4	iELTS5.5			
92	Phạm Thị Phương	Linh	25D125023	K61CCI1	iELTS5.5			
93	Thắm Phương	Linh	25D125065	K61CCI2	iELTS6			
94	Trần Phương	Linh	25D125107	K61CCI3	iELTS5.5			
95	Trần Thị Mỹ	Linh	25D125148	K61CCI4	iELTS6.5			
96	Trần Thái Trúc	Linh	25D125024	K61CCI1	iELTS6.5			
97	Vũ Nguyễn Phương	Linh	25D125066	K61CCI2	iELTS6			
98	Lê An	Lộc	25D125108	K61CCI3	iELTS7	7.25		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Nguyễn Hương	Ly	25D125149	K61CCI4	iELTS6.5	7.25		
100	Nguyễn Khánh	Ly	25D125025	K61CCI1	iELTS6			
101	Thiều Cẩm	Ly	25D125067	K61CCI2	iELTS5.5	7.25		
102	Ngô Thanh	Mai	25D125109	K61CCI3	iELTS6.5	7.75		
103	Ninh Ngọc	Mai	25D125150	K61CCI4	iELTS5.5			
104	Trương Lê Hiếu	Mai	25D125026	K61CCI1	iELTS6	7.25		
105	Bùi Lê	Minh	25D125068	K61CCI2	iELTS6	8		
106	Đào Trọng	Minh	25D125110	K61CCI3	iELTS7			
107	Hồ Đức	Minh	25D125151	K61CCI4	iELTS7			
108	Lê Quang	Minh	25D125027	K61CCI1	iELTS6.5			
109	Nguyễn Hiền	Minh	25D125069	K61CCI2	iELTS6			
110	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	25D125111	K61CCI3	iELTS5.5			
111	Phùng Thế	Minh	25D125152	K61CCI4	iELTS7			
112	Thân Đức	Minh	25D125028	K61CCI1	iELTS6.5			
113	Chu Hà	My	25D125112	K61CCI3	iELTS7			
114	Đào Phương	My	25D125153	K61CCI4	iELTS6.5			
115	Nguyễn Văn	Nam	25D125029	K61CCI1	iELTS5.5			
116	Nguyễn Việt	Nam	25D125071	K61CCI2	iELTS6			
117	Bùi Bích	Ngân	25D125154	K61CCI4	iELTS6			
118	Bùi Bảo	Ngân	25D125030	K61CCI1	iELTS5.5			
119	Đường Bích	Ngọc	25D125155	K61CCI4	iELTS5.5	7		
120	Nguyễn Bảo	Ngọc	25D125031	K61CCI1	iELTS6			
121	Nguyễn Bảo	Ngọc	25D125073	K61CCI2	iELTS6.5			
122	Đặng Vũ Hạnh	Nguyên	25D125156	K61CCI4	iELTS6.5			
123	Trần Thị Ánh	Nguyệt	25D125032	K61CCI1	iELTS6.5	7.5		
124	Hoàng Yến	Nhi	25D125074	K61CCI2	iELTS6	7.5		
125	Nguyễn Hoàng	Nhi	25D125115	K61CCI3	iELTS7.5	8.5		
126	Trương Phúc	Nhi	25D125157	K61CCI4	iELTS6			
127	Dương Tú	Ninh	25D125116	K61CCI3	iELTS6			
128	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25D125033	K61CCI1	iELTS6			
129	Lê Anh	Phương	25D125075	K61CCI2	iELTS5.5			
130	Nguyễn Minh	Phương	25D125117	K61CCI3	iELTS6			
131	Nguyễn Cao Minh	Quang	25D125158	K61CCI4	iELTS6			
132	Nguyễn Đức	Quang	25D125034	K61CCI1	iELTS6.5	7.25		
133	Thiều Ngọc	Quang	25D125076	K61CCI2	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
134	Phạm Đỗ	Quyên	25D125118	K61CCI3	iELTS6.5	7.75		
135	Trần Thu	Quỳnh	25D125159	K61CCI4	iELTS6			
136	Đặng Bảo	Sơn	25D125035	K61CCI1	iELTS5.5			
137	Lê Văn	Sơn	25D125077	K61CCI2	iELTS7	7.25		
138	Hà Phú	Thái	25D125036	K61CCI1	iELTS7			
139	Lê Hương	Thảo	25D125119	K61CCI3	iELTS5.5			
140	Nguyễn Phương	Thảo	25D125160	K61CCI4	iELTS6.5	7.75		
141	Trần Thị Phương	Thảo	25D125037	K61CCI1	iELTS5.5			
142	Đinh Quốc	Thịnh	25D125079	K61CCI2	iELTS5.5			
143	Đinh Hiếu	Thuận	25D125120	K61CCI3	iELTS6	7.75		
144	Hoàng Thu	Thủy	25D125161	K61CCI4	iELTS5			


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU (IPOP)**

*(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Nguyễn Khánh	Linh	25D221024	K61TTI1	iELTS5.5			
2	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	25D221075	K61TTI2	iELTS5			
3	Nguyễn Thùy	Linh	25D221025	K61TTI1	iELTS5.5			
4	Phạm Ánh	Linh	25D221076	K61TTI2	iELTS6			
5	Trần Khánh	Linh	25D221026	K61TTI1	iELTS6			
6	Lê Quang Bảo	Long	25D221027	K61TTI1	iELTS5.5			
7	Bùi Phương	Ly	25D221078	K61TTI2	iELTS5.5			
8	Đỗ Ngọc	Minh	25D221079	K61TTI2	iELTS6			
9	Nguyễn Anh	Minh	25D221029	K61TTI1	iELTS6.5			
10	Nguyễn Quang	Minh	25D221080	K61TTI2	iELTS6.5			
11	Nguyễn Vũ Tuệ	Minh	25D221030	K61TTI1	iELTS6			
12	Phạm Thùy Tuệ	Minh	25D221081	K61TTI2	iELTS5.5			
13	Nguyễn Ngọc Hà	My	25D221031	K61TTI1	iELTS6	8.25		
14	Nguyễn Khánh	Ngọc	25D221032	K61TTI1	iELTS6	7		
15	Nguyễn Khánh	Ngọc	25D221083	K61TTI2	iELTS5			
16	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	25D221033	K61TTI1	iELTS5.5			
17	Phùng Thị Bích	Ngọc	25D221034	K61TTI1	iELTS6	7.25		
18	Trần Thị Minh	Ngọc	25D221085	K61TTI2	iELTS6.5	7.25		
19	Vũ Ánh	Ngọc	25D221035	K61TTI1	iELTS6.5			
20	Nguyễn	Nguyễn	25D221086	K61TTI2	iELTS7.5	9.75		
21	Trương Minh	Nguyệt	25D221036	K61TTI1	iELTS6			
22	Nguyễn Quỳnh	Nhi	25D221087	K61TTI2	iELTS6			
23	Trần Nguyễn Hạnh	Nhi	25D221037	K61TTI1	iELTS7.5			
24	Bùi Cẩm	Nhung	25D221038	K61TTI1	iELTS6			
25	Đỗ Minh	Phú	25D221039	K61TTI1	iELTS5.5			
26	Dương Đỗ Minh	Phúc	25D221090	K61TTI2	iELTS6.5	8.25		
27	Nguyễn Hà	Phương	25D221040	K61TTI1	iELTS6	7.25		
28	Nguyễn Thị	Phương	25D221091	K61TTI2	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Lê Minh	Quang	25D221041	K61TTI1	iELTS6			
30	Phạm Đức	Quân	25D221092	K61TTI2	iELTS7			
31	Nguyễn Thị Phương	Thanh	25D221042	K61TTI1	iELTS6			
32	Đặng Hưng	Thịnh	25D221043	K61TTI1	SAT1440	7.5		
33	Phạm Phương	Thúy	25D221094	K61TTI2	iELTS5.5			
34	Trần Thị Thương	Thương	25D221095	K61TTI2	iELTS6			
35	Bùi Mai	Trang	25D221045	K61TTI1	iELTS5.5			
36	Hoàng Thị Huyền	Trang	25D221096	K61TTI2	iELTS5.5			
37	Lê Trương Huyền	Trang	25D221046	K61TTI1	iELTS5.5			
38	Ngô Thị Minh	Trang	25D221097	K61TTI2	iELTS6			
39	Nguyễn Đỗ Thùy	Trang	25D221047	K61TTI1	iELTS5.5			
40	Nguyễn Kiều	Trang	25D221098	K61TTI2	iELTS6			
41	Trần Bảo	Trâm	25D221048	K61TTI1	iELTS6.5			
42	Nguyễn Thanh	Trúc	25D221099	K61TTI2	iELTS6			
43	Phan Doãn Thành	Trung	25D221049	K61TTI1	iELTS5.5			
44	Nguyễn Thị	Uyên	25D221050	K61TTI1	iELTS5.5			
45	Vũ Đỗ Hà	Vi	25D221101	K61TTI2	iELTS6			
46	Trịnh Thái	Việt	25D221051	K61TTI1	iELTS6	7.75		
47	Bùi Khánh	Vy	25D221102	K61TTI2	iELTS6.5			
48	Chu Huyền	Anh	25D221001	K61TTI1	iELTS5.5			
49	Hoàng Nguyễn Ngọc	Anh	25D221002	K61TTI1	iELTS5.5	7.25		
50	Nguyễn Hoàng Đức	Anh	25D221003	K61TTI1	iELTS5.5			
51	Nguyễn Lan	Anh	25D221054	K61TTI2	iELTS6			
52	Nguyễn Tâm	Anh	25D221004	K61TTI1	SAT1360	8		
53	Nguyễn Trần Phương	Anh	25D221055	K61TTI2	iELTS6			
54	Nguyễn Việt	Anh	25D221005	K61TTI1	iELTS6			
55	Phạm Tạ Trang	Anh	25D221056	K61TTI2	iELTS6.5	8		
56	Trần Hồng	Anh	25D221006	K61TTI1	iELTS7			
57	Trần Phương	Anh	25D221057	K61TTI2	iELTS6	7.5		
58	Vũ Huy	Anh	25D221007	K61TTI1	iELTS6.5			
59	Vũ Thuý	Anh	25D221058	K61TTI2	iELTS5.5	7.25		
60	Nguyễn Nhân Gia	Bảo	25D221008	K61TTI1	iELTS6.5			
61	Đỗ Minh	Châu	25D221059	K61TTI2	iELTS5.5			
62	Nguyễn Vũ Tú	Châu	25D221009	K61TTI1	iELTS5.5			
63	Nguyễn Khánh	Chi	25D221060	K61TTI2	iELTS6.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Đức	Dũng	25D221011	K61TTI1	iELTS5.5			
65	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	25D221062	K61TTI2	iELTS7	7.25		
66	Bùi Thùy	Dương	25D221012	K61TTI1	iELTS5.5			
67	Đàm Ánh	Dương	25D221063	K61TTI2	iELTS6	7.5		
68	Nguyễn Thị Hà	Dương	25D221013	K61TTI1	iELTS6			
69	Nguyễn Thùy	Dương	25D221014	K61TTI1	iELTS6			
70	Vũ Huy	Đức	25D221065	K61TTI2	iELTS5.5			
71	Hoàng Phương	Hà	25D221015	K61TTI1	iELTS6			
72	Nguyễn Kiều Phương	Hà	25D221066	K61TTI2	iELTS6			
73	Phạm Hà	Hải	25D221016	K61TTI1	iELTS7	7.75		
74	Bùi Minh	Hạnh	25D221067	K61TTI2	iELTS6			
75	Nguyễn Hồng	Hạnh	25D221017	K61TTI1	iELTS6			
76	Trịnh Nguyễn Gia	Hân	25D221068	K61TTI2	iELTS6.5			
77	Hoàng Công	Hiếu	25D221018	K61TTI1	SAT1250			
78	Nguyễn Thị Kim	Hoa	25D221069	K61TTI2	SAT1270	7		
79	Đoàn Huy	Hoàng	25D221019	K61TTI1	iELTS5			
80	Phạm Duy	Hưng	25D221070	K61TTI2	iELTS5			
81	Nguyễn Đức Duy	Khang	25D221020	K61TTI1	iELTS6	7.25		
82	Đàm Gia	Khánh	25D221071	K61TTI2	iELTS5.5			
83	Đặng Kim	Khánh	25D221021	K61TTI1	iELTS5.5			
84	Vũ Minh	Khánh	25D221072	K61TTI2	iELTS7	7.25		
85	Hoàng Gia	Linh	25D221022	K61TTI1	iELTS7			
86	Nguyễn Diệu	Linh	25D221073	K61TTI2	iELTS5.5			
87	Nguyễn Đăng Phương	Linh	25D221023	K61TTI1	iELTS6.5	7		
88	Nguyễn Đoàn Phương	Linh	25D221074	K61TTI2	iELTS6			



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KẾ TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ ICAEW CFAB (IPOP)

(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV	MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Bùi Ngọc Anh	25D156001	K61DDI1	iELTS5.5			
2	Bùi Phúc Hà Anh	25D156043	K61DDI2	iELTS5			
3	Dương Quỳnh Anh	25D156085	K61DDI3	iELTS6			
4	Đặng Quỳnh Anh	25D156002	K61DDI1	iELTS6.5			
5	Lê Quỳnh Anh	25D156044	K61DDI2	iELTS5.5			
6	Nguyễn Cẩm Anh	25D156086	K61DDI3	iELTS5.5			
7	Nguyễn Ngọc Anh	25D156003	K61DDI1	iELTS5			
8	Nguyễn Ngọc Châu Anh	25D156045	K61DDI2	iELTS6	7.25		
9	Nguyễn Phan Hà Anh	25D156087	K61DDI3	iELTS6	7.75		
10	Nguyễn Quỳnh Anh	25D156004	K61DDI1	iELTS5			
11	Nguyễn Thị Phương Anh	25D156046	K61DDI2	iELTS5			
12	Phạm Hiền Anh	25D156088	K61DDI3	iELTS5			
13	Trần Phương Anh	25D156005	K61DDI1	iELTS6			
14	Phùng Thị Ngọc Ánh	25D156089	K61DDI3	iELTS5			
15	Văn Gia Bảo	25D156006	K61DDI1	iELTS6			
16	Bùi Ngọc Bích	25D156048	K61DDI2	iELTS5			
17	Tô Thị Bảo Châu	25D156090	K61DDI3	iELTS5			
18	Lê Quỳnh Chi	25D156007	K61DDI1	iELTS5			
19	Phan Thị Quỳnh Chi	25D156049	K61DDI2	iELTS5.5			
20	Lương Minh Danh	25D156091	K61DDI3	iELTS5			
21	Trần Bích Diệp	25D156008	K61DDI1		7.5		
22	Nguyễn Chí Dũng	25D156050	K61DDI2	iELTS5			
23	Nguyễn Thế Dũng	25D156092	K61DDI3	iELTS5			
24	Nguyễn Tiến Dũng	25D156009	K61DDI1	iELTS5			
25	Hồ Ánh Dương	25D156051	K61DDI2	iELTS6	7.25		
26	Nguyễn Thùy Dương	25D156093	K61DDI3	iELTS5.5			
27	Nguyễn Hoàng Linh Đan	25D156010	K61DDI1	iELTS5.5			
28	Bùi Tuấn Đạt	25D156052	K61DDI2	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Nguyễn Tiến	Đạt	25D156094	K61DDI3	iELTS6			
30	Vũ Hương	Giang	25D156011	K61DDI1	iELTS5			
31	Bùi Ngọc	Hà	25D156053	K61DDI2	iELTS5			
32	Nguyễn Hồng	Hà	25D156095	K61DDI3	iELTS5.5			
33	Phạm Nguyễn Sơn	Hà	25D156012	K61DDI1	iELTS5.5			
34	Trịnh Khánh	Hà	25D156054	K61DDI2	iELTS5.5			
35	Nguyễn Thúy	Hằng	25D156096	K61DDI3	iELTS5			
36	Phạm Thu	Hằng	25D156013	K61DDI1	iELTS5			
37	Cao Mậu	Hiếu	25D156055	K61DDI2	iELTS7	7.75		
38	Đinh Lưu Trung	Hiếu	25D156097	K61DDI3	iELTS5.5			
39	Nguyễn Đình	Hiếu	25D156014	K61DDI1	iELTS6.5	7.75		
40	Nguyễn Thọ	Hiếu	25D156056	K61DDI2	iELTS6			
41	Ngô Gia	Huy	25D156098	K61DDI3	iELTS5.5			
42	Nguyễn Quang	Huy	25D156015	K61DDI1	iELTS6			
43	Nguyễn Khánh	Huyền	25D156057	K61DDI2	iELTS5			
44	Phạm Ngọc	Huyền	25D156016	K61DDI1	iELTS5			
45	Trần Khánh	Huyền	25D156058	K61DDI2	iELTS5			
46	Lê Nguyên	Khang	25D156059	K61DDI2	iELTS5			
47	Nguyễn Hữu Việt	Khánh	25D156100	K61DDI3	iELTS5.5			
48	Nguyễn Thị An	Khánh	25D156017	K61DDI1	VSTEPVSTEP4			
49	Chu Mạnh	Kiên	25D156101	K61DDI3	iELTS5.5			
50	Vũ Anh	Kiên	25D156018	K61DDI1	iELTS6			
51	Vũ Trung	Kiên	25D156060	K61DDI2	iELTS5			
52	Hoàng Tuấn	Kiệt	25D156102	K61DDI3	iELTS5.5			
53	Nguyễn Chi	Kỳ	25D156019	K61DDI1	iELTS5.5			
54	Nguyễn Thị Phương	Lan	25D156061	K61DDI2	iELTS5			
55	Nguyễn Thành	Lâm	25D156103	K61DDI3	iELTS5.5			
56	Trần Hoàng Đan	Lê	25D156020	K61DDI1	iELTS5			
57	Bùi Hiền	Linh	25D156062	K61DDI2	iELTS5			
58	Chu Quang	Linh	25D156104	K61DDI3	iELTS5			
59	Đường Khánh	Linh	25D156021	K61DDI1	iELTS5			
60	Lê Hà Phương	Linh	25D156063	K61DDI2	iELTS5			
61	Nguyễn Khánh	Linh	25D156105	K61DDI3	iELTS5			
62	Phạm Nhật	Linh	25D156022	K61DDI1	iELTS5			
63	Trần Phương	Linh	25D156064	K61DDI2	iELTS5	7		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Trần Thị Thảo	Linh	25D156106	K61DDI3	iELTS5			
65	Đặng Hoàng	Ly	25D156023	K61DDI1	iELTS5.5			
66	Nguyễn Hoàng	Mai	25D156065	K61DDI2	iELTS6			
67	Nguyễn Ngọc	Mai	25D156107	K61DDI3	iELTS5			
68	Nguyễn Ngọc	Mai	25D156024	K61DDI1	iELTS6			
69	Đỗ Thị Ngọc	Minh	25D156066	K61DDI2	iELTS5.5			
70	Lý Bá Quang	Minh	25D156108	K61DDI3	iELTS5			
71	Nguyễn Quang	Minh	25D156025	K61DDI1	iELTS6			
72	Nguyễn Thái	Minh	25D156109	K61DDI3	iELTS5			
73	Phạm Tuấn	Minh	25D156026	K61DDI1	iELTS5.5			
74	Nguyễn Hà	My	25D156068	K61DDI2	iELTS5			
75	Nguyễn Trà	My	25D156027	K61DDI1	iELTS5.5			
76	Nguyễn Phú	Nghĩa	25D156069	K61DDI2	iELTS5			
77	Đặng Vy	Ngọc	25D156111	K61DDI3	iELTS5			
78	Tạ Nguyễn Khánh	Ngọc	25D156028	K61DDI1	iELTS5.5			
79	Trịnh Linh	Ngọc	25D156070	K61DDI2	iELTS5			
80	Vũ Hoàng Anh	Nhật	25D156112	K61DDI3	iELTS5.5			
81	Nguyễn Hoàng Bảo	Nhi	25D156029	K61DDI1	iELTS5.5	7.25		
82	Nguyễn Ngọc Oanh	Nhi	25D156071	K61DDI2	iELTS6			
83	Nguyễn Yên	Nhi	25D156113	K61DDI3	iELTS5			
84	Đỗ Hồng	Nhung	25D156030	K61DDI1	iELTS5.5			
85	Trần Thiên	Phong	25D156114	K61DDI3	iELTS5.5			
86	Lê Thị Mai	Phương	25D156031	K61DDI1	TOEIC			
87	Nguyễn Bích	Phương	25D156073	K61DDI2	iELTS5			
88	Nguyễn Hà Mai	Phương	25D156115	K61DDI3	iELTS5			
89	Nguyễn Mai	Phương	25D156032	K61DDI1	iELTS5			
90	Vũ Mai	Phương	25D156116	K61DDI3	iELTS5			
91	Trần Lê Đăng	Quang	25D156033	K61DDI1	iELTS5			
92	Nguyễn Hương	Quỳnh	25D156075	K61DDI2	iELTS5.5			
93	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	25D156117	K61DDI3	iELTS5.5			
94	Nguyễn Tiến Minh	Son	25D156034	K61DDI1	iELTS5			
95	Chu Hoàng Tuệ	Tâm	25D156076	K61DDI2	iELTS6			
96	Hoàng Phương	Thảo	25D156077	K61DDI2	iELTS5.5			
97	Ngô Thanh	Thảo	25D156118	K61DDI3	iELTS5			
98	Nguyễn Thị Anh	Thơ	25D156078	K61DDI2	IELTS5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Nguyễn Thị Minh	Thu	25D156119	K61DDI3	iELTS5.5			
100	Phạm Minh	Thu	25D156036	K61DDI1	iELTS5			
101	Nguyễn Mai Anh	Thư	25D156079	K61DDI2	iELTS5.5			
102	Đỗ Đức	Toàn	25D156120	K61DDI3	iELTS5.5			
103	Nguyễn Quỳnh	Trang	25D156121	K61DDI3	iELTS6.5	7		
104	Nguyễn Thu	Trang	25D156037	K61DDI1	iELTS5			
105	Trần Huyền	Trang	25D156080	K61DDI2	iELTS5.5			
106	Nguyễn Phúc	Trọng	25D156038	K61DDI1	iELTS5			
107	Trần Minh	Tú	25D156039	K61DDI1	iELTS5			
108	Lê Đình	Tuấn	25D156081	K61DDI2	iELTS5			
109	Lê Gia	Tùng	25D156123	K61DDI3	iELTS6			
110	Lưu Bách	Tùng	25D156040	K61DDI1		7.5		
111	Đặng Thị Phương	Uyên	25D156082	K61DDI2	iELTS5.5			
112	Nguyễn Thị Phương	Uyên	25D156124	K61DDI3	iELTS5			
113	Nguyễn Hồng	Vân	25D156041	K61DDI1	iELTS5.5			
114	Nguyễn Tường	Vi	25D156083	K61DDI2	iELTS5.5			
115	Nguyễn Thiên	Vũ	25D156125	K61DDI3	iELTS5.5			
116	Mai Khánh	Vy	25D156042	K61DDI1	iELTS5			
117	Nguyễn Như	Ý	25D156084	K61DDI2	iELTS5.5			
118	Chu Vũ Hải	Yến	25D156126	K61DDI3	iELTS5.5			



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KIỂM TOÁN TÍCH HỢP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ ICAEW CFAB (IPOP)

(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Nguyễn Khánh	An	25D291001	K61DKI1	iELTS5			
2	Trần Thị Bình	An	25D291039	K61DKI2	iELTS5			
3	Vũ Quốc	An	25D291076	K61DKI3	iELTS5			
4	Cao Ngọc Minh	Anh	25D291002	K61DKI1	TOEIC			
5	Đỗ Huy	Anh	25D291040	K61DKI2	iELTS5.5			
6	Đặng Châu	Anh	25D291077	K61DKI3	iELTS6	7.25		
7	Hoàng Thị Minh	Anh	25D291003	K61DKI1	iELTS5			
8	Lê Mai	Anh	25D291041	K61DKI2	iELTS5			
9	Lê Quang	Anh	25D291078	K61DKI3	iELTS6.5			
10	Nguyễn Hữu Nam	Anh	25D291004	K61DKI1	iELTS6			
11	Nguyễn Kiều	Anh	25D291042	K61DKI2	iELTS5			
12	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	25D291079	K61DKI3	iELTS5.5	7		
13	Phan Phương	Anh	25D291005	K61DKI1	iELTS5.5			
14	Trần Kiều	Anh	25D291043	K61DKI2	iELTS5.5			
15	Vũ Quỳnh	Anh	25D291080	K61DKI3	iELTS5.5			
16	Nguyễn Ngọc	Bách	25D291006	K61DKI1	SAT1100			
17	Dương Gia	Bảo	25D291044	K61DKI2	iELTS6.5			
18	Nguyễn Hải	Bình	25D291081	K61DKI3	iELTS5			
19	Nguyễn Nguyệt	Cầm	25D291007	K61DKI1	iELTS5.5			
20	Lê Bảo	Châu	25D291045	K61DKI2	iELTS5.5			
21	Dương Khánh	Chi	25D291082	K61DKI3	iELTS6.5			
22	Vũ Thị Minh	Chi	25D291008	K61DKI1	iELTS5			
23	Nguyễn Trọng	Chiến	25D291046	K61DKI2	iELTS5.5			
24	Phạm Ngọc	Diệp	25D291009	K61DKI1	iELTS5			
25	Uông Thị Thùy	Dung	25D291047	K61DKI2	iELTS5.5			
26	Vũ Việt	Dũng	25D291010	K61DKI1	iELTS5.5			
27	Nguyễn Thùy	Dương	25D291048	K61DKI2		8		
28	Lưu Đức	Đạt	25D291011	K61DKI1	iELTS5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Nguyễn Hữu	Đạt	25D291049	K61DKI2	iELTS5			
30	Nguyễn Quốc	Đạt	25D291086	K61DKI3	iELTS5			
31	Nguyễn Tất	Đạt	25D291012	K61DKI1	iELTS5.5			
32	Bùi Tuấn	Đức	25D291050	K61DKI2	iELTS6			
33	Nguyễn Phú	Đức	25D291087	K61DKI3	iELTS6			
34	Trần Hương	Giang	25D291013	K61DKI1	iELTS5.5			
35	Đỗ Ngọc	Hà	25D291051	K61DKI2	iELTS6.5			
36	Đoàn Thu	Hằng	25D291088	K61DKI3	iELTS5			
37	Nguyễn Gia	Hiền	25D291052	K61DKI2	iELTS5			
38	Vũ Ngọc Minh	Hòa	25D291089	K61DKI3	iELTS6			
39	Phạm Gia	Hùng	25D291015	K61DKI1	iELTS5.5			
40	Lê Thế	Huy	25D291053	K61DKI2	iELTS6			
41	Vũ Đức	Huy	25D291090	K61DKI3	iELTS6			
42	Phạm Nguyễn Khánh	Hưng	25D291016	K61DKI1	IELTS5			
43	Nguyễn Thu	Hương	25D291054	K61DKI2	iELTS5.5			
44	Lê Quốc	Khánh	25D291091	K61DKI3	iELTS5.5			
45	Nguyễn Tăng Quang	Khánh	25D291017	K61DKI1	iELTS5.5			
46	Nguyễn Trung	Kiên	25D291092	K61DKI3		7.5		
47	Nguyễn Quốc Gia	Kiệt	25D291018	K61DKI1	iELTS5.5			
48	Nguyễn Trung	Kiệt	25D291055	K61DKI2	iELTS7			
49	Đỗ Phương Nhật	Linh	25D291093	K61DKI3	iELTS5.5			
50	Hồ Hà	Linh	25D291019	K61DKI1	iELTS5			
51	Lê Thu	Linh	25D291057	K61DKI2	iELTS5			
52	Nguyễn Phương	Linh	25D291094	K61DKI3	iELTS5.5			
53	Phạm Hải	Linh	25D291020	K61DKI1	iELTS5			
54	Trần Phương	Linh	25D291058	K61DKI2	iELTS5			
55	Vũ Diệu	Linh	25D291095	K61DKI3	iELTS5			
56	Bùi Thanh	Loan	25D291021	K61DKI1	iELTS6			
57	Đỗ Hải	Long	25D291059	K61DKI2	iELTS6			
58	Phạm Ngọc	Long	25D291096	K61DKI3	iELTS5.5			
59	Phùng Đức	Mạnh	25D291022	K61DKI1	iELTS5.5			
60	Đỗ Nhật	Minh	25D291060	K61DKI2	iELTS5			
61	Đào Quang	Minh	25D291097	K61DKI3	IELTS6.5			
62	Hoàng Đức Nhật	Minh	25D291023	K61DKI1	iELTS5			
63	Lã Tuấn	Minh	25D291061	K61DKI2	iELTS6.5	7		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Đức	Minh	25D291024	K61DKI1	iELTS5			
65	Nguyễn Đức Nhật	Minh	25D291062	K61DKI2	iELTS5.5			
66	Nguyễn Quang	Minh	25D291099	K61DKI3	iELTS6			
67	Nguyễn Trần Nhật	Minh	25D291025	K61DKI1	iELTS6.5	8.25		
68	Nguyễn Tường	Minh	25D291063	K61DKI2	iELTS5.5			
69	Phạm Hoàng	Minh	25D291100	K61DKI3	iELTS5			
70	Phạm Nguyệt	Minh	25D291026	K61DKI1	iELTS5			
71	Nguyễn Trang	My	25D291064	K61DKI2	iELTS5			
72	Nguyễn Thành	Nam	25D291101	K61DKI3	iELTS7	7.5		
73	Bùi Thảo	Ngân	25D291027	K61DKI1	SAT1020			
74	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	25D291065	K61DKI2	iELTS5			
75	Trần Thị Hồng	Ngân	25D291102	K61DKI3	iELTS6.5			
76	Lưu Tiên	Phong	25D291103	K61DKI3	iELTS6			
77	Hoàng Minh	Phương	25D291029	K61DKI1	iELTS5.5			
78	Hoàng Thu	Phương	25D291067	K61DKI2	iELTS5			
79	Lê Nguyễn Mai	Phương	25D291104	K61DKI3	iELTS5			
80	Ngô Hà	Phương	25D291030	K61DKI1	iELTS5.5			
81	Nguyễn Hà	Phương	25D291068	K61DKI2	iELTS6			
82	Đỗ Hà Minh	Thành	25D291069	K61DKI2	iELTS5.5			
83	Phạm Minh	Thành	25D291106	K61DKI3	iELTS7	8.5		
84	Vũ Trần Duy	Thành	25D291031	K61DKI1	iELTS6			
85	Nguyễn Thu	Thảo	25D291107	K61DKI3	iELTS6.5			
86	Dư Thiên	Thị	25D291032	K61DKI1	iELTS5.5			
87	Phạm Đức	Thiện	25D291071	K61DKI2	iELTS5.5			
88	Nguyễn Minh	Thu	25D291108	K61DKI3	iELTS5			
89	Hoàng Thị Lệ	Thùy	25D291033	K61DKI1	iELTS5			
90	Trần Nhật	Tiến	25D291034	K61DKI1	iELTS6	7.25		
91	Đỗ Thùy	Trang	25D291072	K61DKI2	iELTS5.5			
92	Phan Huyền	Trang	25D291109	K61DKI3	iELTS5			
93	Trần Hiền	Trang	25D291035	K61DKI1	iELTS6			
94	Nguyễn Bảo	Trâm	25D291073	K61DKI2	iELTS5.5			
95	Nguyễn Thùy	Trâm	25D291110	K61DKI3	iELTS6			
96	Lương Cẩm	Tú	25D291074	K61DKI2	iELTS5.5			
97	Nguyễn Lê Anh	Tú	25D291111	K61DKI3	iELTS6			
98	Vũ Thị Nam	Tú	25D291036	K61DKI1	iELTS5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Trần Hoài	Vi	25D291037	K61DKI1	iELTS5			
100	Ngô Quang	Việt	25D291075	K61DKI2	iELTS6.5			
101	Nguyễn Anh	Việt	25D291112	K61DKI3	iELTS6			
102	Lê Nhật	Vũ	25D291038	K61DKI1	iELTS5			


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LOGISTICS VÀ XUẤT NHẬP KHẨU (IPOP)**

*(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Phạm Nguyễn Quốc	Văn	25D310131	K61LXI3	iELTS6			
2	Đinh Bảo	Vân	25D310175	K61LXI4	iELTS6.5			
3	Trịnh Ngọc Tường	Vi	25D310044	K61LXI1	iELTS5.5			
4	Hoàng Anh	Việt	25D310088	K61LXI2	iELTS5.5	7.75		
5	Tuấn Nguyên	Vũ	25D310132	K61LXI3	iELTS6.5	8.25		
6	Nguyễn Gia	An	25D310001	K61LXI1	iELTS6.5	7.25		
7	Đồng Huy	Anh	25D310045	K61LXI2	IELTS6			
8	Hồ Thị Phương	Anh	25D310089	K61LXI3	IELTS6.5	8		
9	Lê Mai	Anh	25D310133	K61LXI4	iELTS6.5	7		
10	Lê Thị Cẩm	Anh	25D310002	K61LXI1	iELTS5.5			
11	Nghiêm Trần Nguyên	Anh	25D310046	K61LXI2	iELTS6			
12	Nguyễn Lan	Anh	25D310090	K61LXI3	iELTS6			
13	Nguyễn Ngọc	Anh	25D310134	K61LXI4	iELTS6			
14	Nguyễn Vân	Anh	25D310003	K61LXI1	iELTS7.5	7.25		
15	Phạm Hồng	Anh	25D310047	K61LXI2	iELTS6			
16	Thang Huyền	Anh	25D310091	K61LXI3	iELTS6.5			
17	Trương Quỳnh	Anh	25D310135	K61LXI4	iELTS5.5			
18	Phan Gia	Bình	25D310004	K61LXI1	iELTS7	7.25		
19	Hoàng Trần Diệu	Châu	25D310136	K61LXI4	iELTS5.5			
20	Lương Thị Minh	Châu	25D310005	K61LXI1	iELTS6			
21	Đào Ngọc Diệp	Chi	25D310048	K61LXI2	iELTS6.5			
22	Nguyễn Linh	Chi	25D310092	K61LXI3	iELTS7	8.75		
23	Nguyễn Linh	Chi	25D310137	K61LXI4	iELTS5.5			
24	Phạm Quỳnh	Chi	25D310006	K61LXI1	iELTS6			
25	Vũ Phương	Chi	25D310049	K61LXI2	iELTS6			
26	Đoàn Việt	Cường	25D310050	K61LXI2	iELTS7			
27	Lê Bùi Minh	Cường	25D310093	K61LXI3	iELTS6			
28	Nguyễn Ngọc	Diệp	25D310094	K61LXI3	iELTS6.5	8.25		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Đinh Phương	Dung	25D310138	K61LXI4	iELTS6.5	8		
30	Lã Kim	Dung	25D310007	K61LXI1	iELTS6			
31	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25D310051	K61LXI2	iELTS6	7.75		
32	Đỗ Trung	Dũng	25D310095	K61LXI3	iELTS6			
33	Nguyễn Đức	Dũng	25D310139	K61LXI4	iELTS6.5			
34	Nguyễn Tiến	Dũng	25D310008	K61LXI1	iELTS6.5	7.25		
35	Lê Ánh	Dương	25D310052	K61LXI2	iELTS6.5	7.75		
36	Nguyễn Đình	Dương	25D310096	K61LXI3	iELTS5.5	7		
37	Nguyễn Trần Tùng	Dương	25D310009	K61LXI1	iELTS6			
38	Nguyễn Viết Thái	Dương	25D310053	K61LXI2	iELTS7			
39	Tạ Nguyễn Tuấn	Dương	25D310097	K61LXI3	iELTS7	8.25		
40	Lê Tấn	Đại	25D310141	K61LXI4	iELTS6.5	7.5		
41	Nguyễn Quang	Đại	25D310010	K61LXI1	iELTS6			
42	Nguyễn Tiến	Đạt	25D310054	K61LXI2	SAT1290			
43	Trần Duy	Đức	25D310098	K61LXI3	iELTS6			
44	Trịnh Minh	Đức	25D310011	K61LXI1	iELTS5.5			
45	Đỗ Thị Thu	Giang	25D310055	K61LXI2	iELTS6			
46	Nguyễn Thị Trà	Giang	25D310099	K61LXI3	iELTS6	7.25		
47	Chu Khánh	Hà	25D310143	K61LXI4	iELTS6.5			
48	Phạm Ngọc	Hà	25D310056	K61LXI2	iELTS6			
49	Đàm Hoàng	Hải	25D310100	K61LXI3	iELTS6			
50	Nguyễn Minh	Hải	25D310144	K61LXI4	iELTS6	7.75		
51	Trần Mai	Hạnh	25D310013	K61LXI1	iELTS5.5	7		
52	Luyện Gia	Hân	25D310057	K61LXI2	iELTS5.5			
53	Vũ Đoàn Minh	Hậu	25D310101	K61LXI3	iELTS6			
54	Lê Đỗ Huy	Hiền	25D310014	K61LXI1	iELTS6			
55	Lương Tuấn	Hiền	25D310058	K61LXI2	iELTS6			
56	Nguyễn Đức	Hiệp	25D310102	K61LXI3	iELTS6.5			
57	Ninh Đức	Hiếu	25D310146	K61LXI4	iELTS6.5			
58	Lê Minh	Hòa	25D310015	K61LXI1	iELTS6	7		
59	Quách Đại	Hoàn	25D310059	K61LXI2	iELTS6.5			
60	Đỗ Lê	Hoàng	25D310103	K61LXI3	iELTS7			
61	Nguyễn Quang	Huân	25D310147	K61LXI4	iELTS5.5			
62	Lê Ngọc	Huân	25D310016	K61LXI1	iELTS7	7.5		
63	Nguyễn Cao Việt	Hùng	25D310060	K61LXI2	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Trí Anh	Hùng	25D310104	K61LXI3	IELTS6			
65	Nguyễn Ngọc Bảo	Huy	25D310148	K61LXI4	iELTS6.5			
66	Nguyễn Ngọc Minh	Huyền	25D310017	K61LXI1	iELTS6.5	7		
67	Nguyễn Thu	Huyền	25D310061	K61LXI2	iELTS5			
68	Nguyễn Tiến	Hưng	25D310149	K61LXI4	iELTS5.5			
69	Phạm Tuấn	Hưng	25D310018	K61LXI1	iELTS6			
70	Phạm Lan	Hương	25D310062	K61LXI2	iELTS5.5	7.75		
71	Park Sung	Hyun	25D310106	K61LXI3	iELTS7	7.25		
72	Đỗ Đức	Khải	25D310063	K61LXI2	iELTS6			
73	Đoàn Minh	Khuê	25D310107	K61LXI3	iELTS6.5			
74	Đoàn Anh	Kiệt	25D310150	K61LXI4	iELTS6			
75	Hoa Phương	Lan	25D310151	K61LXI4	iELTS6			
76	Nguyễn Ngọc Đan	Lê	25D310020	K61LXI1	iELTS5			
77	Đỗ Ngọc	Linh	25D310108	K61LXI3	iELTS6			
78	Lê Mỹ Hà	Linh	25D310152	K61LXI4	iELTS5.5			
79	Lê Ngọc	Linh	25D310021	K61LXI1	iELTS5			
80	Mê Khánh	Linh	25D310065	K61LXI2	iELTS5.5			
81	Nguyễn Khánh	Linh	25D310109	K61LXI3	iELTS7			
82	Nguyễn Thị Phương	Linh	25D310153	K61LXI4	iELTS6			
83	Phạm Linh	Linh	25D310022	K61LXI1	iELTS6			
84	Phạm Thị Khánh	Linh	25D310066	K61LXI2	iELTS5.5			
85	Trần Khánh	Linh	25D310110	K61LXI3	iELTS5.5			
86	Vũ Hà	Linh	25D310154	K61LXI4	iELTS6	7		
87	Nguyễn Phan	Long	25D310023	K61LXI1	SAT1180			
88	Trần Ngọc	Long	25D310067	K61LXI2	ielts5.5			
89	Nguyễn Tài	Lộc	25D310111	K61LXI3	iELTS7	7.25		
90	Ngô Ngọc	Mai	25D310155	K61LXI4	iELTS7			
91	Nguyễn Hoàng	Mai	25D310024	K61LXI1	iELTS6.5			
92	Nguyễn Phương	Mai	25D310068	K61LXI2	iELTS5.5			
93	Phạm Ngọc	Mai	25D310112	K61LXI3	iELTS5.5			
94	Thạch Đăng	Mạnh	25D310156	K61LXI4	iELTS6.5			
95	Dương Quốc	Minh	25D310025	K61LXI1	iELTS7	9		
96	Đông Đăng	Minh	25D310069	K61LXI2	iELTS6	7		
97	Hoàng Nhật	Minh	25D310113	K61LXI3	iELTS6.5			
98	Nguyễn Anh	Minh	25D310157	K61LXI4	iELTS7	7.25		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Nguyễn Quang	Minh	25D310026	K61LXI1	iELTS6.5	8.25		
100	Thân Đức Anh	Minh	25D310070	K61LXI2	iELTS6	7		
101	Trần Quang	Minh	25D310158	K61LXI4	iELTS6			
102	Nguyễn Đỗ Hà	My	25D310027	K61LXI1	IELTS5			
103	Nguyễn Thị Trà	My	25D310071	K61LXI2	iELTS6			
104	Vũ Thị Trà	My	25D310115	K61LXI3	SAT1260			
105	Lê Phương	Nam	25D310028	K61LXI1	iELTS7	7		
106	Nguyễn Gia	Nam	25D310072	K61LXI2	iELTS6.5			
107	Nguyễn Trần Khánh	Nam	25D310116	K61LXI3	iELTS5.5			
108	Trần Hoàng	Nam	25D310160	K61LXI4	iELTS7	7.5		
109	Bùi Phương	Ngân	25D310073	K61LXI2	iELTS6.5			
110	Kiều Thanh	Ngân	25D310117	K61LXI3	iELTS7	8.25		
111	Lưu Bảo	Ngân	25D310161	K61LXI4	iELTS6			
112	Bùi Thủy	Ngọc	25D310029	K61LXI1	iELTS5.5			
113	Nguyễn Bích	Ngọc	25D310074	K61LXI2	iELTS6			
114	Nguyễn Hồng	Ngọc	25D310118	K61LXI3	iELTS5.5			
115	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	25D310162	K61LXI4	iELTS6	7		
116	Nguyễn Minh	Ngọc	25D310030	K61LXI1	iELTS7			
117	Nguyễn Thị Như	Ngọc	25D310075	K61LXI2	iELTS6.5	7.25		
118	Nguyễn Phương Thảo	Nhi	25D310163	K61LXI4	iELTS5			
119	Trần Yến	Nhi	25D310031	K61LXI1	iELTS6.5			
120	Vũ Yến	Nhi	25D310076	K61LXI2	iELTS6			
121	Nghiêm Thị Cẩm	Nhung	25D310120	K61LXI3	iELTS6.5			
122	Nguyễn Kỳ	Phong	25D310164	K61LXI4	iELTS5.5			
123	Đinh Nam	Phương	25D310033	K61LXI1	iELTS6.5			
124	Đặng Hiếu	Phương	25D310077	K61LXI2	iELTS6.5	7.5		
125	Nguyễn Hà	Phương	25D310121	K61LXI3	iELTS6.5			
126	Nguyễn Mai	Phương	25D310165	K61LXI4	iELTS6			
127	Trần Minh	Phương	25D310034	K61LXI1	iELTS6	8		
128	Phí Đình	Quang	25D310078	K61LXI2	iELTS7	7.75		
129	Phạm Bá	Quang	25D310122	K61LXI3	iELTS6			
130	Lê Văn	Quân	25D310166	K61LXI4	iELTS6.5			
131	Đàm Tú	Quyên	25D310035	K61LXI1	iELTS6.5			
132	Nguyễn Tự Minh	Quyên	25D310079	K61LXI2	iELTS7	8.5		
133	Vũ Như	Quỳnh	25D310123	K61LXI3	SAT1480	8.25		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
134	Trịnh Lê	Sâm	25D310167	K61LXI4	ielts5.5	7.4		
135	Hoàng Cao	Son	25D310036	K61LXI1	ielts6.5			
136	Trịnh Thái	Son	25D310124	K61LXI3	ielts6	8.25		
137	Cao Đức	Tâm	25D310168	K61LXI4	ielts7	7.5		
138	Dương Doãn Mạnh	Tân	25D310037	K61LXI1	ielts5.5			
139	Nghiêm Ngọc	Tân	25D310081	K61LXI2	ielts6	7.25		
140	Nguyễn Trọng	Thái	25D310169	K61LXI4	ielts5			
141	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	25D310038	K61LXI1	ielts6.5			
142	Hoàng Phương	Thảo	25D310082	K61LXI2	ielts7	7		
143	Ngô Phương	Thảo	25D310125	K61LXI3	ielts6			
144	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25D310170	K61LXI4	ielts6	7		
145	Nguyễn Minh	Thịnh	25D310039	K61LXI1	ielts6.5	7		
146	Văn Đình	Thông	25D310083	K61LXI2	ielts6			
147	Nguyễn Hiền	Thục	25D310126	K61LXI3	ielts5.5			
148	Nguyễn Thị Minh	Thư	25D310171	K61LXI4	ielts7	7.25		
149	Khuất Duy	Tiến	25D310127	K61LXI3	ielts6.5	7.75		
150	Lê Minh	Tiến	25D310172	K61LXI4	ielts5.5			
151	Nguyễn Mạnh	Toàn	25D310040	K61LXI1	SAT1310	8.75		
152	Vũ Hoàng	Tôn	25D310084	K61LXI2	ielts5.5	7.5		
153	Chu Quỳnh	Trang	25D310041	K61LXI1	ielts6			
154	Đỗ Huyền	Trang	25D310085	K61LXI2	ielts6.5			
155	Đỗ Nguyên	Trang	25D310128	K61LXI3	ielts6	7		
156	Nguyễn Mai	Trang	25D310173	K61LXI4	ielts5.5			
157	Nguyễn Thu	Trang	25D310042	K61LXI1	ielts6			
158	Nguyễn Hữu	Trung	25D310086	K61LXI2	ielts6			
159	Nguyễn Minh	Tuấn	25D310129	K61LXI3	ielts6.5			
160	Nguyễn Hoàng	Tùng	25D310043	K61LXI1	ielts6			
161	Nguyễn Xuân	Tùng	25D310087	K61LXI2	ielts6.5	7.5		
162	Trần Sơn	Tùng	25D310130	K61LXI3	ielts6			

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (IPOP)**

*(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Bùi Khánh	Trung	25D135090	K61EEI2	iELTS7.5	8.5		
2	Giang Thành	Trung	25D135137	K61EEI3	iELTS5.5			
3	Đào Quốc	Tuệ	25D135138	K61EEI3	iELTS6.5	7.75		
4	Phan Ánh	Tuyệt	25D135091	K61EEI2	iELTS5.5			
5	Nguyễn Phương	Uyên	25D135045	K61EEI1	iELTS6	8.75		
6	Phạm Thị Thu	Uyên	25D135092	K61EEI2	iELTS5.5			
7	Vũ Ngọc Khánh	Vân	25D135139	K61EEI3	iELTS6.5	8.25		
8	Nguyễn Đăng	Vinh	25D135046	K61EEI1	iELTS6.5			
9	Nguyễn Thành	Vinh	25D135093	K61EEI2	iELTS7			
10	Đỗ Phương	Vy	25D135047	K61EEI1	iELTS6	7		
11	Bùi Kim	Yến	25D135094	K61EEI2	iELTS6			
12	Bùi Diệp	Anh	25D135001	K61EEI1	iELTS5.5			
13	Bùi Nguyên	Anh	25D135048	K61EEI2	iELTS5.5			
14	Đỗ Cát	Anh	25D135095	K61EEI3	iELTS7			
15	Đoàn Thị Ngọc	Anh	25D135002	K61EEI1	iELTS6.5			
16	Hoàng Thị Phương	Anh	25D135049	K61EEI2	iELTS6			
17	Mai Phương	Anh	25D135096	K61EEI3	iELTS5			
18	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25D135003	K61EEI1	iELTS6	7.25		
19	Phạm Thị Quỳnh	Anh	25D135050	K61EEI2	iELTS5.5			
20	Nguyễn Hoàng	Ân	25D135004	K61EEI1	iELTS7			
21	Nguyễn Trần An	Bình	25D135051	K61EEI2	iELTS7			
22	Lê Tùng	Chi	25D135098	K61EEI3	iELTS6.5			
23	Nguyễn Linh	Chi	25D135005	K61EEI1	iELTS7			
24	Nguyễn Quỳnh	Chi	25D135053	K61EEI2	APTISC1			
25	Vũ Linh	Chi	25D135099	K61EEI3	iELTS6	7		
26	Phạm Đức	Cường	25D135006	K61EEI1	iELTS7	7.5		
27	Thiều Ngọc	Diệp	25D135007	K61EEI1	iELTS5.5			
28	Nguyễn Thuý	Dung	25D135054	K61EEI2	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Đặng Lê	Duy	25D135008	K61EEI1	iELTS5			
30	Vũ Trọng	Duy	25D135055	K61EEI2	iELTS6.5			
31	Mai	Duyên	25D135102	K61EEI3	iELTS6.5	7.25		
32	Hoàng Tuấn	Đạt	25D135009	K61EEI1	iELTS6.5			
33	Nguyễn Vĩnh Tiến	Đạt	25D135103	K61EEI3	iELTS6			
34	Nguyễn Minh	Đức	25D135010	K61EEI1	iELTS6.5			
35	Ngô Trường	Giang	25D135057	K61EEI2	iELTS7.5	8.5		
36	Nguyễn Thanh	Giang	25D135011	K61EEI1	iELTS7			
37	Phạm Trà	Giang	25D135058	K61EEI2	iELTS6	8		
38	Vũ Hương	Giang	25D135105	K61EEI3	iELTS6			
39	Đỗ Ngọc Minh	Hà	25D135012	K61EEI1	iELTS6			
40	Lý Thu	Hà	25D135059	K61EEI2	iELTS5.5			
41	Ngô Ngọc	Hà	25D135106	K61EEI3	iELTS6	7.25		
42	Nguyễn Lê Đan	Hà	25D135013	K61EEI1	iELTS6			
43	Phạm Đức	Hà	25D135060	K61EEI2	iELTS7			
44	Trần Thu	Hà	25D135107	K61EEI3	iELTS6	7.5		
45	Nguyễn Hồng	Hạnh	25D135014	K61EEI1	iELTS6.5	7		
46	Đào Thúy	Hằng	25D135061	K61EEI2	iELTS5.5			
47	Vũ Bảo	Hân	25D135015	K61EEI1	iELTS6.5			
48	Nguyễn Hữu	Huân	25D135062	K61EEI2	iELTS6			
49	Đoàn Nguyễn Thế	Hùng	25D135109	K61EEI3	iELTS6	7.75		
50	Lê Gia	Huy	25D135016	K61EEI1	iELTS6.5	8.25		
51	Phạm Quang	Huy	25D135063	K61EEI2	iELTS6			
52	Phạm Khánh	Huyền	25D135017	K61EEI1	iELTS6			
53	Lê Trung	Huỳnh	25D135064	K61EEI2	iELTS5.5			
54	Nguyễn Việt	Hưng	25D135111	K61EEI3	iELTS5.5			
55	Nguyễn Gia	Khánh	25D135112	K61EEI3	iELTS7	8.5		
56	Vũ Đăng	Khôi	25D135018	K61EEI1	iELTS5.5			
57	Bùi Trí	Kiên	25D135019	K61EEI1	iELTS6			
58	Nguyễn Tuấn	Kiệt	25D135065	K61EEI2	iELTS7			
59	Nguyễn Thị Phương	Lan	25D135066	K61EEI2	iELTS6	7		
60	Phan Đan	Lê	25D135113	K61EEI3	iELTS7.5	8		
61	Đỗ Thùy	Linh	25D135067	K61EEI2	iELTS5.5			
62	Lê Ngọc	Linh	25D135114	K61EEI3	iELTS5.5			
63	Nguyễn Phương	Linh	25D135021	K61EEI1	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	25D135068	K61EEI2	iELTS6			
65	Phạm Gia	Linh	25D135022	K61EEI1	iELTS6			
66	Phạm Trần Gia	Linh	25D135069	K61EEI2	iELTS6			
67	Phạm Trần Khánh	Linh	25D135116	K61EEI3	iELTS6			
68	Vũ Nhật	Linh	25D135070	K61EEI2	iELTS7	8		
69	Nguyễn	Long	25D135117	K61EEI3	iELTS6.5			
70	Lê Ngọc	Mai	25D135071	K61EEI2	iELTS5.5			
71	Ngô Thị Hoàng	Mai	25D135118	K61EEI3	iELTS5.5	7		
72	Lê Quang	Mạnh	25D135025	K61EEI1	SAT1380	9.5		
73	Hoàng Hiếu	Minh	25D135072	K61EEI2	iELTS5.5			
74	Lê Anh	Minh	25D135119	K61EEI3	iELTS7.5	7.75		
75	Phạm Tuấn	Minh	25D135073	K61EEI2	iELTS7.5	8.5		
76	Phùng Vũ Hiền	Minh	25D135120	K61EEI3	iELTS6			
77	Văn Tất	Minh	25D135027	K61EEI1	iELTS6.5	7		
78	Nguyễn Trà	My	25D135121	K61EEI3	iELTS6			
79	Trịnh Thị Kiều	Mỹ	25D135122	K61EEI3	iELTS5			
80	Nguyễn Đức	Nam	25D135029	K61EEI1	iELTS6			
81	Bùi Thu	Ngân	25D135076	K61EEI2	iELTS6			
82	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	25D135123	K61EEI3	iELTS6			
83	Trần Khánh	Ngọc	25D135030	K61EEI1	iELTS5.5			
84	Tái Minh	Nhật	25D135077	K61EEI2	iELTS6.5			
85	Nguyễn Lâm	Nhi	25D135124	K61EEI3	iELTS5.5			
86	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	25D135031	K61EEI1	iELTS6			
87	Lôi Việt	Phát	25D135078	K61EEI2	iELTS6			
88	Nguyễn Việt	Phúc	25D135125	K61EEI3	iELTS6.5	8		
89	Lân Nguyễn Hoàng	Phương	25D135032	K61EEI1	iELTS8	8.75		
90	Phạm Minh	Phương	25D135126	K61EEI3	iELTS5.5			
91	Trương Minh	Quang	25D135033	K61EEI1	iELTS6.5	8		
92	Nguyễn Thái Thuận	Quyên	25D135127	K61EEI3	iELTS8	9.25		
93	Nguyễn Trần Diệu	Quỳnh	25D135034	K61EEI1	iELTS5.5			
94	Nguyễn Văn	Sáng	25D135081	K61EEI2	iELTS5.5			
95	Bùi Thái	Sơn	25D135035	K61EEI1	iELTS5.5			
96	Nguyễn Hoàng	Sơn	25D135082	K61EEI2	iELTS6			
97	Lê Thị Thanh	Tâm	25D135129	K61EEI3	iELTS7	7.5		
98	Trần Minh	Tâm	25D135036	K61EEI1	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Đỗ Quang	Thái	25D135130	K61EEI3	iELTS5.5			
100	Đặng Cường	Thành	25D135037	K61EEI1	iELTS7.5	8.75		
101	Nguyễn Thị Mai	Thao	25D135083	K61EEI2	iELTS5.5			
102	Nguyễn Mai Minh	Thảo	25D135131	K61EEI3	iELTS5			
103	Vũ Thu	Thảo	25D135038	K61EEI1	iELTS6.5			
104	Nguyễn Đức	Thịnh	25D135084	K61EEI2	iELTS6	7.25		
105	Phạm Tiến	Thịnh	25D135132	K61EEI3	iELTS6.5	7		
106	Nguyễn Nghiêm Anh	Thơ	25D135039	K61EEI1	iELTS6.5	8		
107	Nguyễn Thị Hoài	Thu	25D135085	K61EEI2	iELTS6	8		
108	Hoàng Kim	Thuận	25D135133	K61EEI3	iELTS6.5			
109	Cao Thị Anh	Thư	25D135086	K61EEI2	iELTS6			
110	Đỗ Thị Minh	Thư	25D135134	K61EEI3	iELTS7	8		
111	Đào Anh	Thư	25D135041	K61EEI1	iELTS6	7.25		
112	Ngô Anh	Thư	25D135135	K61EEI3	iELTS6			
113	Lưu Đức	Toàn	25D135088	K61EEI2	iELTS6.5	8.5		
114	Nguyễn Hương	Trà	25D135042	K61EEI1	iELTS6			
115	Lê Ngọc Bảo	Trân	25D135136	K61EEI3	iELTS6.5	7.75		
116	Lại Kiều	Trình	25D135043	K61EEI1	iELTS6			



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ (IPOP)**

(Kèm theo Quyết định số 1743 /QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV	MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Hoàng Bảo An	25D161001	K61FII1	iELTS5			
2	Ngô Thuận An	25D161045	K61FII2	iELTS5.5			
3	Cao Minh Anh	25D161002	K61FII1	iELTS6			
4	Hoàng Công Việt Anh	25D161090	K61FII3	iELTS6			
5	Mai Tiến Anh	25D161047	K61FII2	iELTS5			
6	Nguyễn Bảo Châu Anh	25D161091	K61FII3	iELTS6.5			
7	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	25D161004	K61FII1	iELTS5.5			
8	Nguyễn Ngọc Anh	25D161048	K61FII2	iELTS5			
9	Nguyễn Ngọc Anh	25D161092	K61FII3	iELTS5.5			
10	Nguyễn Thị Hiền Anh	25D161005	K61FII1	iELTS5			
11	Nguyễn Tùng Anh	25D161049	K61FII2	iELTS5.5			
12	Trần Nguyễn Bảo Anh	25D161006	K61FII1	iELTS5.5			
13	Trần Phương Mai Anh	25D161050	K61FII2	iELTS5			
14	Phạm Ngọc Ánh	25D161094	K61FII3	iELTS5			
15	Vũ Thị Nguyệt Ánh	25D161007	K61FII1	iELTS5			
16	Đỗ Hữu Gia Bảo	25D161051	K61FII2	iELTS6.5	7.25		
17	Lê Doãn Gia Bảo	25D161095	K61FII3	iELTS5.5			
18	Lê Anh Bình	25D161008	K61FII1	iELTS5			
19	Phạm Đức Bình	25D161052	K61FII2	iELTS5.5			
20	Vũ Bình	25D161096	K61FII3	iELTS6.5			
21	Trần Ngọc Bảo Châu	25D161009	K61FII1	VSTEPVSTEP4			
22	Ngô Triệu Tùng Chi	25D161053	K61FII2	iELTS5			
23	Hoàng Mạnh Cường	25D161010	K61FII1	iELTS6.5			
24	Ngô Quốc Cường	25D161054	K61FII2	iELTS5			
25	Lưu Bá Dũng	25D161011	K61FII1	iELTS5.5	7.75		
26	Nguyễn Tiến Dũng	25D161055	K61FII2	iELTS6.5			
27	Trần Tuấn Dũng	25D161099	K61FII3	iELTS6	7		
28	Nguyễn Hoàng Duy	25D161012	K61FII1	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Phan Đức	Duy	25D161056	K61FII2	iELTS6			
30	Nguyễn Trung	Đại	25D161100	K61FII3	iELTS5.5			
31	Phạm Trí	Đạt	25D161057	K61FII2	iELTS5.5			
32	Nguyễn Nhật	Đăng	25D161101	K61FII3	iELTS5.5			
33	Vũ Hải	Đăng	25D161014	K61FII1	iELTS5			
34	Vũ Minh	Đức	25D161058	K61FII2	iELTS5			
35	Đỗ Trà	Giang	25D161102	K61FII3	iELTS5.5			
36	Trần Nguyễn Gia	Hân	25D161059	K61FII2	iELTS5.5			
37	Trần Đức	Hiếu	25D161103	K61FII3	iELTS5			
38	Phạm Vi	Hoa	25D161060	K61FII2	iELTS5.5			
39	Bùi Minh	Hoàng	25D161104	K61FII3	iELTS6			
40	Ngô Việt	Hoàng	25D161017	K61FII1	iELTS6			
41	Nguyễn	Hoàng	25D161061	K61FII2	iELTS5			
42	Hoàng An	Hưng	25D161018	K61FII1	iELTS5.5			
43	Vũ Lưu Đăng	Hưng	25D161106	K61FII3	iELTS6.5			
44	Đồng Thị Thu	Hường	25D161019	K61FII1	iELTS5.5			
45	Nguyễn Hoàng Tiến	Kha	25D161063	K61FII2		8		
46	Mộc Nam	Khánh	25D161107	K61FII3	iELTS6.5			
47	Phạm Gia	Khánh	25D161020	K61FII1	iELTS6			
48	Nguyễn Đình	Khôi	25D161064	K61FII2	iELTS6.5			
49	Lê Diệp	Khuê	25D161108	K61FII3	iELTS5.5			
50	Nguyễn Hoàng	Lan	25D161021	K61FII1	iELTS5.5			
51	Nguyễn Duy	Lâm	25D161065	K61FII2	iELTS5			
52	Nguyễn Khánh	Linh	25D161109	K61FII3	iELTS5			
53	Nguyễn Khánh	Linh	25D161022	K61FII1	iELTS6			
54	Phạm Thị Mai	Linh	25D161066	K61FII2	iELTS5.5			
55	Phạm Thùy	Linh	25D161110	K61FII3	iELTS5			
56	Nguyễn Huy	Long	25D161023	K61FII1	iELTS5.5			
57	Nguyễn Duyên	Lộc	25D161067	K61FII2	iELTS5.5			
58	Tổng Hữu	Lộc	25D161111	K61FII3	iELTS6			
59	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	25D161024	K61FII1	iELTS6.5			
60	Đình Nhật	Minh	25D161112	K61FII3	iELTS6			
61	Lưu Hoàng	Minh	25D161025	K61FII1	iELTS5			
62	Nguyễn Quang	Minh	25D161069	K61FII2	iELTS5			
63	Vũ Trường	Minh	25D161113	K61FII3	iELTS6	7		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Trà	My	25D161026	K61FII1	iELTS5			
65	Lã Khoa	Nam	25D161070	K61FII2	iELTS5.5			
66	Nguyễn Tôn Hoàng	Nam	25D161114	K61FII3	iELTS5.5	7		
67	Nguyễn Việt	Nam	25D161027	K61FII1	iELTS5.5	7.25		
68	Ngô Châu	Ngân	25D161071	K61FII2	iELTS5			
69	Nguyễn Diệu	Ngân	25D161115	K61FII3	iELTS5			
70	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	25D161072	K61FII2	iELTS5			
71	Vũ Minh	Ngọc	25D161116	K61FII3	iELTS6			
72	Phạm Khôi	Nguyễn	25D161029	K61FII1	iELTS5.5			
73	Phạm Tường	Nhân	25D161073	K61FII2	iELTS6			
74	Lê Thị Đan	Nhi	25D161117	K61FII3	iELTS5			
75	Nguyễn Thị Yên	Nhi	25D161030	K61FII1	iELTS6			
76	Nguyễn Trang	Nhung	25D161074	K61FII2	iELTS5.5			
77	Nguyễn Duy Thành	Phát	25D161118	K61FII3	iELTS6			
78	Nguyễn Hoàng	Phát	25D161031	K61FII1	iELTS5.5			
79	Bùi Hải	Phong	25D161075	K61FII2	iELTS6.5	8		
80	Nguyễn Gia	Phong	25D161119	K61FII3	iELTS5.5			
81	Phạm Thanh	Phong	25D161032	K61FII1	iELTS6			
82	Trần Nguyên	Phúc	25D161076	K61FII2	iELTS5.5			
83	Dương Minh	Phương	25D161120	K61FII3	iELTS5			
84	Lục Hà	Phương	25D161033	K61FII1	iELTS5			
85	Nguyễn Bảo	Phương	25D161077	K61FII2	iELTS6.5			
86	Phạm Mai	Phương	25D161121	K61FII3	iELTS6			
87	Lưu Thế	Quang	25D161034	K61FII1	iELTS6	7		
88	Võ Đặng Anh	Quân	25D161078	K61FII2	iELTS5.5	7		
89	Phạm Đan	Quỳnh	25D161035	K61FII1	iELTS6.5			
90	Nguyễn Thanh	Tâm	25D161079	K61FII2	iELTS5			
91	Hoàng Đức	Thành	25D161036	K61FII1	iELTS5			
92	Nguyễn Ngọc	Thành	25D161080	K61FII2	iELTS7.5			
93	Vũ Minh	Thành	25D161123	K61FII3	iELTS6			
94	Đậu Thị Thanh	Thảo	25D161037	K61FII1	iELTS5			
95	Lê Ngọc Hương	Thảo	25D161081	K61FII2	iELTS5			
96	Trịnh Phương	Thảo	25D161124	K61FII3	iELTS6			
97	Phạm Đăng Duy	Thắng	25D161038	K61FII1	iELTS5.5			
98	Vũ Hoàng	Thiện	25D161082	K61FII2	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV	MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Nguyễn Thu Thủy	25D161125	K61FII3	iELTS5.5	7		
100	Nguyễn Hoàng Diệp Thúy	25D161039	K61FII1	iELTS5			
101	Nguyễn Anh Thư	25D161083	K61FII2	iELTS5.5			
102	Nguyễn Vũ Anh Thư	25D161126	K61FII3	iELTS5			
103	Bùi Thu Trang	25D161040	K61FII1	iELTS6.5			
104	Đào Mai Trang	25D161084	K61FII2	iELTS5			
105	Ngô Đặng Quỳnh Trang	25D161127	K61FII3	iELTS5			
106	Nguyễn Yên Trang	25D161041	K61FII1	iELTS5			
107	Phan Thị Ngọc Trang	25D161085	K61FII2	iELTS5			
108	Nguyễn Quang Trung	25D161128	K61FII3	iELTS6			
109	Phí Đức Tuấn Tú	25D161129	K61FII3	iELTS6			
110	Võ Ngọc Cẩm Tú	25D161042	K61FII1	iELTS6			
111	Đỗ Minh Tuệ	25D161086	K61FII2	iELTS5.5			
112	Hồ Thanh Tùng	25D161130	K61FII3	iELTS7	8.5		
113	Phan Đàm Phương Uyên	25D161043	K61FII1	iELTS6			
114	Nguyễn Đức Việt	25D161087	K61FII2	iELTS6.5			
115	Trương Hoàng Việt	25D161131	K61FII3	iELTS6			
116	Hoàng Hải Yên	25D161088	K61FII2	iELTS5.5			



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI (IPOP)

(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc	Linh	25D186109	K61HHI3	iELTS5.5	7		
2	Nguyễn Thảo	Linh	25D186024	K61HHI1	iELTS5.5			
3	Phạm Trúc Ngọc	Linh	25D186110	K61HHI3	iELTS5			
4	Nguyễn Nhật	Long	25D186025	K61HHI1	iELTS5			
5	Trịnh Ngọc	Mai	25D186111	K61HHI3	iELTS5			
6	Dương Quang	Minh	25D186026	K61HHI1	iELTS5.5			
7	Lê Hoàng	Minh	25D186069	K61HHI2	iELTS5			
8	Nguyễn Quang	Minh	25D186112	K61HHI3	iELTS6.5			
9	Nguyễn Quang	Minh	25D186027	K61HHI1	iELTS6.5	7.25		
10	Phạm Quang	Minh	25D186070	K61HHI2	iELTS5	7		
11	Trần Thị Nhật	Minh	25D186113	K61HHI3	iELTS5			
12	Vũ Anh	Minh	25D186028	K61HHI1	iELTS6.5	7		
13	Nguyễn Hà	My	25D186071	K61HHI2	iELTS6.5			
14	Nguyễn Trà	My	25D186114	K61HHI3	iELTS5			
15	Dương Ngọc Hoàng	Nam	25D186072	K61HHI2	iELTS7	7.5		
16	Cao Hải	Ngân	25D186115	K61HHI3	iELTS6			
17	Nguyễn Trương Thảo	Ngân	25D186030	K61HHI1	iELTS5			
18	Nguyễn Yến	Nhi	25D186073	K61HHI2	iELTS5			
19	Lê Hồng	Phước	25D186116	K61HHI3	iELTS5.5			
20	Hà Minh	Phương	25D186074	K61HHI2	iELTS5			
21	Đỗ Minh	Quang	25D186117	K61HHI3	iELTS5			
22	Lê Minh	Quân	25D186032	K61HHI1	iELTS6.5	8		
23	Trần Minh	Quân	25D186033	K61HHI1	iELTS7			
24	Trần Tú	Quyên	25D186076	K61HHI2	iELTS5.5			
25	Lê Minh	Sơn	25D186119	K61HHI3	iELTS5			
26	Tăng Danh	Thành	25D186035	K61HHI1	iELTS5.5			
27	Hoàng Hương	Thảo	25D186077	K61HHI2	iELTS5.5			
28	Mai Lê Bảo	Thắng	25D186120	K61HHI3	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Đinh Nguyễn Tất	Thắng	25D186036	K61HHI1	iELTS6			
30	Nguyễn Xuân	Thuận	25D186121	K61HHI3	iELTS5.5			
31	Phạm Thanh	Thùy	25D186037	K61HHI1	iELTS6			
32	Bùi Phương	Thúy	25D186079	K61HHI2	iELTS6	7.25		
33	Nguyễn Ngọc	Thúy	25D186122	K61HHI3	iELTS5.5			
34	Văn Thị Phương	Thúy	25D186038	K61HHI1	iELTS5.5			
35	Đỗ Anh	Thư	25D186080	K61HHI2	iELTS5			
36	Nguyễn Hà	Thư	25D186123	K61HHI3	VSTEPVSTEP4	7		
37	Nguyễn Minh	Thư	25D186039	K61HHI1	iELTS6			
38	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25D186124	K61HHI3	iELTS6			
39	Nguyễn Yên	Trang	25D186082	K61HHI2	iELTS5			
40	Phạm Thị Kiều	Trang	25D186125	K61HHI3	iELTS5.5			
41	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	25D186041	K61HHI1	iELTS5.5			
42	Phan Đào Thanh	Tú	25D186083	K61HHI2	iELTS5.5			
43	Nguyễn Thanh	Tùng	25D186126	K61HHI3	iELTS6			
44	Đào Thị Tú	Uyên	25D186084	K61HHI2	iELTS5			
45	Nguyễn Ngọc	Vinh	25D186042	K61HHI1	iELTS6			
46	Nguyễn Thành	Vinh	25D186085	K61HHI2	iELTS6			
47	Phạm Quang	Vũ	25D186128	K61HHI3	iELTS6.5	7.25		
48	Hà Tiểu	Vy	25D186043	K61HHI1	iELTS5.5			
49	Nguyễn Thị Hải	Yến	25D186086	K61HHI2	iELTS5.5	7		
50	Đỗ Diệp	Anh	25D186001	K61HHI1	iELTS5			
51	Đỗ Duy	Anh	25D186044	K61HHI2	iELTS6.5	7.25		
52	Đinh Đức	Anh	25D186087	K61HHI3	iELTS6			
53	Đặng Hồng	Anh	25D186045	K61HHI2	iELTS6	7.75		
54	Hoàng Văn	Anh	25D186003	K61HHI1	iELTS6			
55	Ngô Thị Châu	Anh	25D186046	K61HHI2	iELTS6			
56	Nguyễn Quỳnh	Anh	25D186089	K61HHI3	iELTS6			
57	Nguyễn Tuấn	Anh	25D186004	K61HHI1	iELTS6			
58	Nguyễn Việt	Anh	25D186047	K61HHI2	iELTS5.5			
59	Phạm Quỳnh	Anh	25D186090	K61HHI3	iELTS5.5			
60	Trần Phương	Anh	25D186005	K61HHI1	iELTS5			
61	Nguyễn Hồng	Ánh	25D186091	K61HHI3	iELTS5			
62	Nguyễn Ngọc	Ánh	25D186006	K61HHI1	iELTS5.5			
63	Nguyễn Nhật	Ánh	25D186049	K61HHI2	iELTS5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25D186092	K61HHI3	iELTS5			
65	Hoàng Gia	Bảo	25D186007	K61HHI1	iELTS6			
66	Nhâm Thái	Bảo	25D186050	K61HHI2	iELTS5.5			
67	Nguyễn Vũ Ngọc	Bích	25D186093	K61HHI3	iELTS5.5			
68	Lê Nguyễn Bội	Chân	25D186051	K61HHI2	iELTS6			
69	Nguyễn Thị Kim	Chi	25D186094	K61HHI3	iELTS5.5			
70	Trần Hạnh	Chi	25D186008	K61HHI1	iELTS6			
71	Nguyễn Hùng	Cường	25D186009	K61HHI1	iELTS5.5			
72	Đinh Thị Hạnh	Dung	25D186052	K61HHI2	iELTS5			
73	Nguyễn Tiến	Đạt	25D186010	K61HHI1	iELTS6			
74	Võ Thành	Đạt	25D186053	K61HHI2	iELTS5.5			
75	Đỗ Trọng	Đức	25D186096	K61HHI3	iELTS5			
76	Nguyễn Minh	Đức	25D186011	K61HHI1	iELTS5			
77	Nguyễn Trung	Đức	25D186054	K61HHI2	iELTS6			
78	Phan Vĩnh	Đức	25D186097	K61HHI3	iELTS5.5			
79	Lê Minh	Giang	25D186012	K61HHI1	iELTS5.5			
80	Nguyễn Trường	Giang	25D186055	K61HHI2	iELTS6			
81	Nguyễn Hồng	Hà	25D186098	K61HHI3	iELTS5.5			
82	Nông Thị Ngọc	Hà	25D186013	K61HHI1	iELTS6			
83	Phạm Ngân	Hà	25D186056	K61HHI2	iELTS5.5			
84	Phùng Đắc	Hải	25D186099	K61HHI3	iELTS6			
85	Lê Thị Thu	Hằng	25D186057	K61HHI2	iELTS6	7		
86	Nguyễn Thị Thu	Hằng	25D186100	K61HHI3	iELTS5			
87	Vũ Trung	Hiếu	25D186101	K61HHI3	iELTS5.5			
88	Bùi Minh	Hoàng	25D186016	K61HHI1	iELTS5			
89	Nguyễn Bá	Hoàng	25D186059	K61HHI2	iELTS7			
90	Trần Huy	Hoàng	25D186102	K61HHI3	iELTS6			
91	Trần Lê Bảo	Hoàng	25D186017	K61HHI1	iELTS5.5			
92	Nguyễn Chu Khánh	Huy	25D186060	K61HHI2	iELTS5.5			
93	Lê Thu	Huyền	25D186103	K61HHI3	iELTS5.5			
94	Cù Gia	Hưng	25D186018	K61HHI1	iELTS5			
95	Nguyễn Tuấn	Khang	25D186104	K61HHI3	iELTS6	8		
96	Trần Tuấn	Khanh	25D186019	K61HHI1	iELTS6			
97	Lại Phú Gia	Khánh	25D186105	K61HHI3	iELTS6			
98	Nguyễn Thùy Trang	Khánh	25D186020	K61HHI1	iELTS6.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Tường Nam	Khánh	25D186062	K61HHI2	IELTS6			
100	Nguyễn Nguyên	Khôi	25D186021	K61HHI1	iELTS6			
101	Nguyễn Huy Tuấn	Kiệt	25D186063	K61HHI2	iELTS5.5			
102	Cù Khánh	Linh	25D186107	K61HHI3	iELTS6	7.25		
103	Đào Nguyễn Khánh	Linh	25D186022	K61HHI1	iELTS6.5			
104	Mai Khánh	Linh	25D186065	K61HHI2	iELTS6			
105	Ngô Khánh	Linh	25D186108	K61HHI3	iELTS5.5			
106	Nguyễn Diệu	Linh	25D186023	K61HHI1	iELTS6.5			
107	Nguyễn Lưu Thùy	Linh	25D186066	K61HHI2	iELTS5.5			



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Đào Thái	An	25D141001	K61ISI1	iELTS6			
2	Bùi Diệu	Anh	25D141127	K61ISI4	iELTS6			
3	Đỗ Nhật	Anh	25D141002	K61ISI1	SAT1360			
4	Đỗ Phương	Anh	25D141044	K61ISI2	iELTS6			
5	Đào Trung Quốc	Anh	25D141086	K61ISI3	iELTS6			
6	Đinh Phương	Anh	25D141128	K61ISI4	iELTS7			
7	Đặng Quỳnh	Anh	25D141003	K61ISI1	iELTS5.5			
8	Hoàng Bảo	Anh	25D141045	K61ISI2	iELTS7	7		
9	Lê Hoàng	Anh	25D141087	K61ISI3	iELTS6.5			
10	Nguyễn Hải	Anh	25D141129	K61ISI4	iELTS7			
11	Nguyễn Hoàng	Anh	25D141004	K61ISI1	iELTS6.5			
12	Nguyễn Trang	Anh	25D141088	K61ISI3	iELTS5.5			
13	Nguyễn Trung	Anh	25D141005	K61ISI1	iELTS7			
14	Nguyễn Việt	Anh	25D141047	K61ISI2	iELTS6			
15	Phan Minh	Anh	25D141089	K61ISI3	iELTS6.5	7		
16	Phạm Nhật	Anh	25D141131	K61ISI4	iELTS6			
17	Phạm Thị Quỳnh	Anh	25D141006	K61ISI1	iELTS6			
18	Trương Thị Hà	Anh	25D141048	K61ISI2	iELTS6.5	7		
19	Vũ Hoàng	Anh	25D141090	K61ISI3	iELTS7	8		
20	Vũ Phạm Quỳnh	Anh	25D141132	K61ISI4	iELTS5.5			
21	Cần Thị Ngọc	Ánh	25D141007	K61ISI1	iELTS6	7.25		
22	Nguyễn Thị Minh	Ánh	25D141049	K61ISI2	iELTS6	7.25		
23	Nguyễn Công Thái	Bảo	25D141091	K61ISI3	iELTS7			
24	Nguyễn Kim	Bảo	25D141133	K61ISI4	iELTS5.5			
25	Nguyễn Thái	Bình	25D141008	K61ISI1	iELTS5.5			
26	Đinh Nguyễn Linh	Chi	25D141050	K61ISI2	iELTS7			
27	Phan Ngọc Linh	Chi	25D141010	K61ISI1	iELTS6			
28	Phạm Thành	Công	25D141051	K61ISI2	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Trần Thành	Công	25D141093	K61ISI3	iELTS7	7		
30	Vũ Chí	Công	25D141135	K61ISI4	iELTS5.5			
31	Nguyễn Thị	Dịu	25D141052	K61ISI2	iELTS5.5			
32	Nguyễn Minh	Dũng	25D141094	K61ISI3	iELTS6			
33	Nguyễn Minh	Dũng	25D141136	K61ISI4	SAT1190			
34	Quách Trung	Dũng	25D141011	K61ISI1	iELTS7.5	9.5		
35	Vũ Mạnh	Dũng	25D141053	K61ISI2	iELTS6			
36	Lê Hữu Đức	Dương	25D141137	K61ISI4	iELTS6			
37	Lê Thùy	Dương	25D141012	K61ISI1	iELTS6			
38	Nguyễn Đức	Dương	25D141054	K61ISI2	iELTS5.5			
39	Nguyễn Đại	Dương	25D141096	K61ISI3	iELTS5.5			
40	Nguyễn Đại	Dương	25D141138	K61ISI4	iELTS6.5			
41	Nguyễn Hoàng	Dương	25D141013	K61ISI1	iELTS6.5			
42	Nguyễn Thị Khánh	Dương	25D141055	K61ISI2	iELTS5			
43	Nguyễn Thùy	Dương	25D141097	K61ISI3	iELTS5.5			
44	Vũ Phúc Linh	Đan	25D141139	K61ISI4	iELTS6	7.5		
45	Vũ Duy	Đạt	25D141014	K61ISI1	iELTS6.5			
46	Đình Minh	Đức	25D141056	K61ISI2	iELTS6.5			
47	Nguyễn Minh	Đức	25D141098	K61ISI3	iELTS6.5	7.5		
48	Nguyễn Hồ Châu	Giang	25D141140	K61ISI4	iELTS6			
49	Phạm Thanh	Hà	25D141015	K61ISI1	iELTS6			
50	Mai Thị Trúc	Hạ	25D141057	K61ISI2	iELTS6			
51	Tạ Mai	Hiên	25D141141	K61ISI4	iELTS6			
52	Phạm Minh	Hiếu	25D141016	K61ISI1	iELTS5.5			
53	Vũ Huy	Hoàng	25D141058	K61ISI2	iELTS5			
54	Lê Mạnh	Hùng	25D141100	K61ISI3	iELTS6.5			
55	Nguyễn Tuấn	Hùng	25D141142	K61ISI4	iELTS6			
56	Bùi Lê	Huy	25D141017	K61ISI1	iELTS6			
57	Phan Quang	Huy	25D141059	K61ISI2	ielts5.5			
58	Đình Thị Thanh	Huyền	25D141101	K61ISI3	iELTS6.5			
59	Đỗ Cường Tuấn	Hưng	25D141143	K61ISI4	iELTS6.5			
60	Nguyễn An	Hưng	25D141018	K61ISI1	iELTS6			
61	Nguyễn Thái Chấn	Hưng	25D141060	K61ISI2	iELTS6.5			
62	Nguyễn Thị Vi	Khanh	25D141102	K61ISI3	iELTS5.5			
63	Nguyễn Phương	Khánh	25D141144	K61ISI4	iELTS6.5	7.25		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Trọng	Khiêm	25D141019	K61ISI1	iELTS6			
65	Đào Minh	Khuê	25D141061	K61ISI2	iELTS6			
66	Lê Trần Diệu	Lê	25D141145	K61ISI4	iELTS5.5			
67	Đinh Yên	Linh	25D141020	K61ISI1	iELTS6			
68	Đặng Hải	Linh	25D141062	K61ISI2	iELTS5			
69	Nguyễn Lưu Tuệ	Linh	25D141104	K61ISI3	iELTS6.5			
70	Nguyễn Phương Ngọc	Linh	25D141146	K61ISI4	iELTS6			
71	Nguyễn Thùy	Linh	25D141021	K61ISI1	iELTS5			
72	Phạm Nguyễn Ngọc	Linh	25D141063	K61ISI2	iELTS6			
73	Trần Bảo	Linh	25D141105	K61ISI3	iELTS5.5			
74	Trịnh Khánh	Linh	25D141147	K61ISI4	iELTS6.5			
75	Hoàng Phương	Mai	25D141022	K61ISI1	iELTS6.5			
76	Đàm Trọng Nhật	Minh	25D141064	K61ISI2	iELTS5.5			
77	Lê Phạm Hải	Minh	25D141106	K61ISI3	iELTS6.5	8.25		
78	Lê Thu	Minh	25D141148	K61ISI4	iELTS5.5			
79	Mai Bình	Minh	25D141023	K61ISI1	iELTS5			
80	Nguyễn Đình Nhật	Minh	25D141065	K61ISI2	iELTS5.5			
81	Nguyễn Nhật	Minh	25D141107	K61ISI3	iELTS7	7		
82	Nguyễn Vũ Hoàng	Minh	25D141149	K61ISI4	iELTS5.5			
83	Phạm Quang	Minh	25D141024	K61ISI1	iELTS6.5			
84	Nguyễn Đan Hà	My	25D141066	K61ISI2	iELTS6			
85	Nguyễn Đoàn Bích	My	25D141108	K61ISI3	iELTS5.5			
86	Nguyễn Ngọc Hạnh	My	25D141150	K61ISI4	iELTS5.5			
87	Phạm Nga	My	25D141025	K61ISI1	iELTS6.5			
88	Nguyễn Hoài	Nam	25D141067	K61ISI2	iELTS5.5			
89	Vũ Việt	Nam	25D141109	K61ISI3	iELTS6			
90	Nguyễn Thuý	Nga	25D141151	K61ISI4	iELTS5.5			
91	Nguyễn Hoàng Lam	Ngọc	25D141026	K61ISI1	iELTS6			
92	Phạm Bảo	Ngọc	25D141027	K61ISI1	iELTS6			
93	Trần Thị Minh	Ngọc	25D141069	K61ISI2	iELTS6			
94	Nguyễn Đình	Nguyên	25D141111	K61ISI3	iELTS6.5			
95	Trần Bảo	Nguyên	25D141153	K61ISI4	iELTS7			
96	Đoàn Yên	Nhi	25D141028	K61ISI1	iELTS5.5			
97	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	25D141112	K61ISI3	iELTS6			
98	Phạm Vũ Tuyết	Nhi	25D141154	K61ISI4	iELTS5	7		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Hà Thị	Oanh	25D141029	K61ISI1	iELTS5.5			
100	Nguyễn Hải	Phong	25D141071	K61ISI2	iELTS7	7		
101	Nguyễn Đức	Phú	25D141155	K61ISI4	iELTS5.5			
102	Nguyễn Hoàng Minh	Phương	25D141030	K61ISI1	iELTS7	7.75		
103	Nguyễn Mai	Phương	25D141072	K61ISI2	iELTS6			
104	Phí Minh	Phương	25D141114	K61ISI3	iELTS5.5			
105	Phạm Linh	Phương	25D141156	K61ISI4	iELTS6			
106	Vũ Minh	Phương	25D141031	K61ISI1	iELTS6.5			
107	Vũ Minh	Phương	25D141073	K61ISI2	iELTS5.5			
108	Hà Thị Thu	Phượng	25D141115	K61ISI3	iELTS6			
109	Nguyễn Vũ Minh	Quang	25D141157	K61ISI4	iELTS5.5			
110	Trần Anh	Quân	25D141032	K61ISI1	iELTS6	7.25		
111	Trần Thị Thu	Quỳnh	25D141074	K61ISI2	iELTS5.5	7.25		
112	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	25D141116	K61ISI3	iELTS6			
113	Dương Xuân Thái	Son	25D141158	K61ISI4	iELTS6.5			
114	Vũ Huy	Son	25D141033	K61ISI1	iELTS6			
115	Đinh Thị Minh	Tâm	25D141075	K61ISI2	iELTS6			
116	Lê Phúc	Thái	25D141076	K61ISI2	iELTS6.5			
117	Phạm Quốc	Thái	25D141117	K61ISI3	iELTS6.5			
118	Phạm Tiến	Thành	25D141159	K61ISI4	iELTS7	7.5		
119	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25D141077	K61ISI2	iELTS6			
120	Diệp Đức	Thắng	25D141118	K61ISI3	iELTS6	7.5		
121	Nguyễn Việt	Thắng	25D141160	K61ISI4	iELTS7	7.5		
122	Trần Đức	Thịnh	25D141035	K61ISI1	iELTS5.5			
123	Phùng Phạm Anh	Thư	25D141078	K61ISI2	iELTS5.5			
124	Lai Khánh	Thy	25D141119	K61ISI3	TOEIC			
125	Đào Thùy	Tiên	25D141120	K61ISI3	iELTS5.5			
126	Hoàng Bảo	Toàn	25D141161	K61ISI4	iELTS5			
127	Đỗ Minh	Trang	25D141162	K61ISI4	iELTS6			cc IELTS4.5
128	Đào Thu	Trang	25D141036	K61ISI1	iELTS6			
129	Ngô Thị Thu	Trang	25D141079	K61ISI2	iELTS6			
130	Nguyễn Mai	Trang	25D141121	K61ISI3	iELTS5			
131	Nguyễn Quỳnh	Trang	25D141163	K61ISI4	iELTS6.5			
132	Tổng Thị Minh	Trang	25D141037	K61ISI1	iELTS6.5	7.75		
133	Hoàng Ngọc	Trâm	25D141080	K61ISI2	iELTS6.5	7.25		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
134	Nguyễn Bảo	Trâm	25D141122	K61ISI3	iELTS6			
135	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	25D141164	K61ISI4	iELTS6	7.25		
136	Hoàng Bảo	Trân	25D141038	K61ISI1	iELTS5			
137	Trần Phạm Kiều	Trình	25D141081	K61ISI2	iELTS5.5			
138	Nông Quốc	Trung	25D141123	K61ISI3	iELTS6			
139	Nguyễn Hương	Trường	25D141165	K61ISI4	iELTS6	7		
140	Bùi Lương Anh	Tú	25D141039	K61ISI1	iELTS6			
141	Nguyễn Đức	Tú	25D141082	K61ISI2	iELTS7	8.5		
142	Trần Minh	Tuấn	25D141124	K61ISI3	iELTS6			
143	Lê Thanh	Tùng	25D141166	K61ISI4	iELTS6.5			
144	Nguyễn Hoàng	Tùng	25D141040	K61ISI1	iELTS6			
145	Đoàn Phương	Uyên	25D141041	K61ISI1	iELTS6.5	7.5		
146	Phạm Tú	Uyên	25D141083	K61ISI2	iELTS5.5			
147	Vũ Thị Thảo	Vi	25D141125	K61ISI3	iELTS6	7.25		
148	Nguyễn Thành	Vinh	25D141167	K61ISI4	iELTS5.5			
149	Vương Thành	Vinh	25D141042	K61ISI1	iELTS7	9		
150	Nguyễn Hà	Vy	25D141084	K61ISI2	iELTS6.5			
151	Trần Thảo	Vy	25D141126	K61ISI3	iELTS6			
152	Nguyễn Hoàng Minh	Xuân	25D141168	K61ISI4	iELTS6	7.5		

KT. HIỆU TRƯỞNG ^{KTW}
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN (IPOP)**

*(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Lê Thái An	Huy	25D193074	K61SSI2	iELTS6	8.75		
2	Ngô Đăng Quang	Huy	25D193023	K61SSI1	iELTS5.5			
3	Nguyễn Gia	Huy	25D193075	K61SSI2	iELTS5.5			
4	Nguyễn Khánh	Huyền	25D193024	K61SSI1	iELTS5			
5	Vũ Văn	Hung	25D193076	K61SSI2	iELTS5.5			
6	Phùng Nam	Khánh	25D193025	K61SSI1	iELTS6			
7	Nguyễn Ngọc	Khôi	25D193077	K61SSI2	VSTEPVSTEP4			
8	Ngô Trung	Kiên	25D193026	K61SSI1	iELTS6			
9	Nguyễn Anh	Kiệt	25D193078	K61SSI2	iELTS5.5			
10	Cho Ngọc Chi	Lan	25D193027	K61SSI1	iELTS5	7.25		
11	Trần Thị Phương	Lan	25D193079	K61SSI2		7.5		
12	Phan Thanh	Lâm	25D193028	K61SSI1	iELTS5.5			
13	Phạm Mai	Linh	25D193080	K61SSI2	iELTS5.5			
14	Hoàng Hải	Long	25D193081	K61SSI2	iELTS5			
15	Trịnh Hà	Ly	25D193030	K61SSI1	iELTS5.5			
16	Lê Đức	Mạnh	25D193082	K61SSI2	iELTS5.5			
17	Đặng Đức	Minh	25D193031	K61SSI1	iELTS6.5	7		
18	Đoàn Ngọc Bảo	Minh	25D193083	K61SSI2	iELTS5.5			
19	Lê Gia	Minh	25D193032	K61SSI1	iELTS5			
20	Lê Quang	Minh	25D193084	K61SSI2	iELTS6			
21	Nguyễn Ngọc Quang	Minh	25D193033	K61SSI1	iELTS6			
22	Phí Quang	Minh	25D193085	K61SSI2	iELTS5.5			
23	Vũ Hoàng Quang	Minh	25D193034	K61SSI1	iELTS5			
24	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nga	25D193086	K61SSI2	iELTS5.5			
25	Ngô Phương	Ngân	25D193036	K61SSI1	iELTS5.5			
26	Bùi Nguyễn Linh	Ngọc	25D193088	K61SSI2	iELTS5			
27	Đỗ Hoàng	Nguyên	25D193037	K61SSI1	iELTS5			
28	Nguyễn Trần Minh	Nhân	25D193089	K61SSI2	iELTS6.5	8		

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Nguyễn Lan	Nhi	25D193090	K61SSI2	iELTS5.5			
30	Phạm Thảo	Nhi	25D193039	K61SSI1	iELTS5			
31	Nguyễn Hồng	Nhung	25D193091	K61SSI2	iELTS5	7		
32	Đỗ Nguyễn Hữu	Phúc	25D193040	K61SSI1	iELTS5.5			
33	Bùi Nguyên	Phương	25D193092	K61SSI2	iELTS5			
34	Ngô Thị Lâm	Phương	25D193041	K61SSI1		7.25		
35	Nguyễn Như	Quỳnh	25D193093	K61SSI2	iELTS5.5			
36	Nguyễn Minh	Sơn	25D193042	K61SSI1		8.5		
37	Nguyễn Trí	Thanh	25D193043	K61SSI1	iELTS5			
38	Phan Đức	Thành	25D193094	K61SSI2	iELTS5			
39	Nguyễn Việt	Thắng	25D193044	K61SSI1	iELTS5			
40	Nguyễn Gia	Thuận	25D193095	K61SSI2	iELTS5.5			
41	Nguyễn Minh	Thuận	25D193045	K61SSI1	SAT1040	7.5		
42	Lò Phương	Thùy	25D193096	K61SSI2	iELTS5			
43	Nguyễn Anh	Thư	25D193046	K61SSI1	iELTS5			
44	Nguyễn Minh	Thư	25D193097	K61SSI2	iELTS6.5			
45	Đỗ Quỳnh	Trâm	25D193098	K61SSI2	iELTS5			
46	Vũ Thành	Trung	25D193048	K61SSI1	iELTS5			
47	Đinh Nguyễn Xuân	Trương	25D193099	K61SSI2	iELTS5.5			
48	Trương Minh	Tú	25D193100	K61SSI2	iELTS5			
49	Hoàng Khánh	Tùng	25D193101	K61SSI2	iELTS5			
50	Lưu Hoàng	Tùng	25D193050	K61SSI1	iELTS5			
51	Trần Ánh	Tuyết	25D193102	K61SSI2	iELTS5.5			
52	Đinh Thị Hồng	Vinh	25D193051	K61SSI1	iELTS5			
53	Đặng Đình	Vinh	25D193103	K61SSI2	iELTS5			
54	Nguyễn Anh	Vũ	25D193052	K61SSI1	iELTS5.5			
55	Hoàng Thảo	Vy	25D193104	K61SSI2	iELTS5			
56	Đỗ Trung	Anh	25D193001	K61SSI1	iELTS5			
57	Ngô Diệu Hồng	Anh	25D193054	K61SSI2	iELTS5			
58	Nguyễn Minh	Anh	25D193055	K61SSI2	iELTS5			
59	Nguyễn Phú Tiến	Anh	25D193004	K61SSI1	iELTS5.5			
60	Phan Trịnh Châu	Anh	25D193056	K61SSI2	iELTS5.5			
61	Phạm Ngân	Anh	25D193005	K61SSI1	iELTS5			
62	Vũ Thị Phương	Anh	25D193057	K61SSI2	iELTS5			
63	Nguyễn Ngọc	Ánh	25D193006	K61SSI1	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Hải	Bình	25D193007	K61SSI1	iELTS5			
65	Trần Thị Thanh	Bình	25D193059	K61SSI2	iELTS6			
66	Văn Huy Gia	Bình	25D193008	K61SSI1	iELTS5			
67	Nguyễn Minh	Châu	25D193060	K61SSI2	iELTS5.5			
68	Nguyễn Quỳnh	Chi	25D193009	K61SSI1		7.25		
69	Nguyễn Thùy	Dung	25D193061	K61SSI2	iELTS5			
70	Nguyễn Anh	Dũng	25D193010	K61SSI1	iELTS5			
71	Nguyễn Tuấn	Dũng	25D193062	K61SSI2	iELTS5			
72	Nguyễn Khánh	Duy	25D193011	K61SSI1	iELTS6			
73	Bùi Khánh	Duyên	25D193063	K61SSI2		7.25		
74	Nguyễn Đăng	Dương	25D193012	K61SSI1	iELTS5.5			
75	Nguyễn Tuấn	Dương	25D193064	K61SSI2	iELTS5			
76	Lý Thành	Đạt	25D193013	K61SSI1	IELTS6.5	7.5		
77	Nguyễn Hữu	Đạt	25D193065	K61SSI2	iELTS5			
78	Nguyễn Hải	Đăng	25D193014	K61SSI1	IELTS6.5			
79	Đỗ Thành	Đồng	25D193066	K61SSI2	iELTS5.5			
80	Đỗ Trí	Đức	25D193015	K61SSI1	iELTS5.5			
81	Nguyễn Anh	Đức	25D193067	K61SSI2	iELTS5.5			
82	Lê Nguyên	Giáp	25D193016	K61SSI1	iELTS6			
83	Hà Minh	Hạnh	25D193068	K61SSI2	iELTS5			
84	Nguyễn Thị	Hiền	25D193069	K61SSI2	iELTS5			
85	Đỗ Vinh	Hiền	25D193018	K61SSI1	iELTS5.5			
86	Hoàng Đăng	Hiếu	25D193070	K61SSI2	iELTS6.5	7.25		
87	Nguyễn Minh	Hiếu	25D193019	K61SSI1	iELTS6	7.25		
88	Trần Trọng Minh	Hiếu	25D193071	K61SSI2	iELTS6			
89	Quách Hiệp	Hoàng	25D193021	K61SSI1	iELTS6			

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT KINH DOANH (IPOP)**

*(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Kim Ngọc	An	25D205001	K61PPI1	iELTS5			
2	Bùi Phạm Thùy	Anh	25D205042	K61PPI2	iELTS5			
3	Cao Phan Bảo	Anh	25D205082	K61PPI3	iELTS6			
4	Hà Đức	Anh	25D205002	K61PPI1	iELTS6			
5	Lê Phương	Anh	25D205043	K61PPI2	iELTS5			
6	Ngô Phương	Anh	25D205083	K61PPI3	iELTS5			
7	Nguyễn Minh	Anh	25D205003	K61PPI1	iELTS5			
8	Nguyễn Nam	Anh	25D205044	K61PPI2	iELTS6	7		
9	Nguyễn Phương	Anh	25D205084	K61PPI3	iELTS6.5			
10	Nguyễn Thị Lâm	Anh	25D205004	K61PPI1	iELTS5.5			
11	Nguyễn Trịnh Bảo	Anh	25D205045	K61PPI2	iELTS5.5			
12	Trịnh Ngọc Vi	Anh	25D205085	K61PPI3	iELTS5.5			
13	Vũ Đức	Anh	25D205005	K61PPI1	iELTS5.5			
14	Vũ Phan	Anh	25D205046	K61PPI2	iELTS7	7		
15	Hoàng Duy	Bách	25D205086	K61PPI3	iELTS5.5			
16	Nguyễn Hương	Chi	25D205006	K61PPI1	iELTS5.5			
17	Nguyễn Mai	Chi	25D205047	K61PPI2	iELTS5.5			
18	Nguyễn Phan Yến	Chi	25D205087	K61PPI3	iELTS5			
19	Trần Khánh	Chi	25D205007	K61PPI1	iELTS5.5			
20	Nguyễn Trần Tú	Chinh	25D205008	K61PPI1	iELTS6			
21	Hà Đức	Chính	25D205049	K61PPI2	iELTS5			
22	Nguyễn Ngọc	Diệp	25D205089	K61PPI3	iELTS6			
23	Dương Thị Thùy	Dung	25D205009	K61PPI1	iELTS5.5			
24	Nguyễn Bình Hạnh	Dung	25D205050	K61PPI2	iELTS5			
25	Trần Mỹ	Dung	25D205090	K61PPI3	iELTS6	8.5		
26	Lê Khắc	Dũng	25D205010	K61PPI1	iELTS5.5			
27	Trần Đức	Duy	25D205051	K61PPI2	iELTS5.5			
28	Đinh Tiến	Đạt	25D205091	K61PPI3	iELTS6			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Cao Ngọc Anh	Đức	25D205011	K61PPI1		8.4		
30	Hoàng Minh	Đức	25D205052	K61PPI2	iELTS5			
31	Nguyễn Minh	Đức	25D205092	K61PPI3	iELTS6			
32	Cao Lam	Giang	25D205012	K61PPI1	iELTS5			
33	Lê Thị Thu	Giang	25D205053	K61PPI2	iELTS6			
34	Nguyễn Minh	Hải	25D205093	K61PPI3	iELTS6			
35	Phạm Thanh	Hòa	25D205013	K61PPI1	iELTS6	7		
36	Nguyễn Vũ	Hoàng	25D205054	K61PPI2	iELTS7	9		
37	Tạ Mạnh	Hùng	25D205094	K61PPI3	iELTS5.5			
38	Trần Quang	Huy	25D205014	K61PPI1	iELTS5			
39	Nguyễn Thanh	Huyền	25D205055	K61PPI2	iELTS6.5	8		
40	Chu Tuấn	Hưng	25D205095	K61PPI3	iELTS5.5			
41	Nguyễn Vũ Thảo	Hương	25D205056	K61PPI2	iELTS5.5			
42	Văn Bảo	Khanh	25D205016	K61PPI1	iELTS6			
43	Đàm Đình Gia	Khánh	25D205057	K61PPI2	iELTS7.5	8.5		
44	Nguyễn Gia	Khánh	25D205096	K61PPI3	iELTS5.5			
45	Trần Thị Vân	Khánh	25D205017	K61PPI1	iELTS5.5			
46	Hoàng Trần Ngân	Khuê	25D205058	K61PPI2	iELTS6			
47	Nguyễn Minh	Khuê	25D205097	K61PPI3	iELTS5			
48	Nguyễn Trung	Kiên	25D205098	K61PPI3	iELTS5			
49	Đinh Thị	Lan	25D205018	K61PPI1	iELTS5.5			
50	Hà Vũ Huy	Lâm	25D205059	K61PPI2	iELTS5.5			
51	Bùi Thị Ngọc	Linh	25D205099	K61PPI3	iELTS5			
52	Đỗ Diệu	Linh	25D205019	K61PPI1	iELTS5			
53	Hoàng Khánh	Linh	25D205060	K61PPI2	iELTS5			
54	Hoàng Phương	Linh	25D205100	K61PPI3	iELTS6			
55	Hoàng Thùy	Linh	25D205020	K61PPI1	iELTS5			
56	Lê Thùy	Linh	25D205061	K61PPI2	iELTS6	7.5		
57	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	25D205021	K61PPI1	iELTS6			
58	Nguyễn Ngọc	Linh	25D205062	K61PPI2	iELTS6			
59	Nguyễn Phương	Linh	25D205102	K61PPI3	iELTS5.5			
60	Phạm Phương	Linh	25D205022	K61PPI1	iELTS6.5			
61	Trần Khánh	Linh	25D205063	K61PPI2	iELTS6.5	7		
62	Trần Khánh	Linh	25D205103	K61PPI3	iELTS5			
63	Trịnh Khánh	Linh	25D205023	K61PPI1	iELTS5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Vũ Khánh	Linh	25D205064	K61PPI2	iELTS5			
65	Vũ Thùy	Linh	25D205104	K61PPI3	iELTS5.5			
66	Bùi Nguyễn Phương	Ly	25D205105	K61PPI3	iELTS6.5			
67	Nguyễn Vũ	Mạnh	25D205025	K61PPI1	iELTS5			
68	Đào Thiện	Minh	25D205106	K61PPI3	iELTS5.5			
69	Hoàng Tuệ	Minh	25D205026	K61PPI1	iELTS5.5			
70	Nguyễn Nhật	Minh	25D205067	K61PPI2	iELTS6			
71	Đỗ Thị Trà	My	25D205107	K61PPI3	iELTS6			
72	Ngô Phương Thảo	My	25D205027	K61PPI1	iELTS5.5			
73	Nguyễn Trà	My	25D205068	K61PPI2	iELTS5.5			
74	Đào Hải	Nam	25D205108	K61PPI3	iELTS5.5			
75	Vũ Giang Như	Nguyễn	25D205028	K61PPI1	iELTS5.5			
76	Giang Thị Ngọc	Nhi	25D205069	K61PPI2	iELTS5			
77	Nguyễn An	Nhi	25D205029	K61PPI1	iELTS5.5			
78	Nguyễn Hoàng Uyên	Nhi	25D205070	K61PPI2	iELTS6			
79	Nguyễn Linh	Nhi	25D205110	K61PPI3	iELTS5.5			
80	Đỗ Thị Hồng	Nhung	25D205030	K61PPI1	iELTS5.5			
81	Lê Hữu	Phong	25D205071	K61PPI2	iELTS6.5			
82	Nguyễn Trường	Phúc	25D205111	K61PPI3	iELTS5.5			
83	Đàm Minh	Phương	25D205031	K61PPI1	iELTS6	8		
84	Nguyễn Quỳnh	Phương	25D205072	K61PPI2	iELTS5.5			
85	Thân Mai	Phương	25D205112	K61PPI3	iELTS5			
86	Đặng Đỗ Minh	Quân	25D205032	K61PPI1	iELTS6			
87	Ngô Duy	Thái	25D205033	K61PPI1	iELTS6			
88	Nguyễn Hà	Thành	25D205074	K61PPI2	iELTS5.5			
89	Nguyễn Vĩnh	Thành	25D205114	K61PPI3	iELTS6			
90	Nguyễn Phương	Thảo	25D205034	K61PPI1	iELTS6			
91	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25D205075	K61PPI2	iELTS5.5			
92	Nguyễn Thị Thu	Thảo	25D205115	K61PPI3	iELTS5			
93	Phan Kim Phương	Thảo	25D205035	K61PPI1	iELTS5			
94	Nguyễn Phương	Thu	25D205076	K61PPI2	iELTS5.5			
95	Trần Thị Minh	Thu	25D205116	K61PPI3	iELTS6			
96	Hoàng Thu	Thủy	25D205036	K61PPI1	iELTS5			
97	Nguyễn Diệu	Thúy	25D205077	K61PPI2	iELTS5			
98	Nguyễn Thị Anh	Thư	25D205117	K61PPI3	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV	MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Nguyễn Kiều Trang	25D205037	K61PPI1	iELTS6.5			
100	Nguyễn Thị Thu Trang	25D205078	K61PPI2	iELTS6			
101	Nguyễn Vũ Thùy Trang	25D205118	K61PPI3	iELTS5			
102	Phạm Quỳnh Trang	25D205038	K61PPI1	iELTS5.5			
103	Cao Ngọc Kim Tú	25D205039	K61PPI1	iELTS5.5			
104	Phạm Minh Tú	25D205079	K61PPI2	iELTS5.5			
105	Nguyễn Mạnh Tuấn	25D205119	K61PPI3	iELTS5.5			
106	Ngô Thu Uyên	25D205080	K61PPI2	iELTS5.5			
107	Hồ Thảo Vân	25D205120	K61PPI3	iELTS5			
108	Nguyễn Văn Việt	25D205081	K61PPI2	iELTS5.5			
109	Lê Hà Vy	25D205121	K61PPI3	iELTS5.5			
110	Hoàng Hải Yến	25D205041	K61PPI1	iELTS5			

KT. HIỆU TRƯỞNG ^{luty}
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG


 GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP (IPOP)**

(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Đặng Dương Diệu	Linh	25D212072	K61UUI2	iELTS6			
2	Đặng Thế	Linh	25D212120	K61UUI3	iELTS5			
3	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25D212073	K61UUI2	iELTS6.5			
4	Nguyễn Thùy	Linh	25D212121	K61UUI3	iELTS5.5			
5	Trần Phương	Linh	25D212026	K61UUI1	iELTS6	7.25		
6	Trần Thảo	Linh	25D212074	K61UUI2	iELTS6.5	7.5		
7	Vũ Hà	Linh	25D212122	K61UUI3	iELTS5.5			
8	Vũ Thị	Linh	25D212027	K61UUI1	iELTS6			
9	Nguyễn Hoàng Duy	Long	25D212123	K61UUI3	iELTS5.5			
10	Nguyễn Thị Huyền	Lương	25D212028	K61UUI1	iELTS5.5			
11	Cao Khánh	Ly	25D212076	K61UUI2	iELTS6			
12	Lê Thị	Mai	25D212124	K61UUI3	iELTS5			
13	Nguyễn Ngọc	Mai	25D212029	K61UUI1	iELTS6			
14	Vũ Trần Phương	Mai	25D212125	K61UUI3	iELTS5.5			
15	Vũ Đức Nhật	Minh	25D212078	K61UUI2	iELTS5			
16	Đinh Hà	My	25D212126	K61UUI3	iELTS5			
17	Ngô Hà	My	25D212031	K61UUI1	iELTS5			
18	Nguyễn Thị Trà	My	25D212079	K61UUI2	iELTS5			
19	Trần Thị Huyền	My	25D212127	K61UUI3	iELTS5.5			
20	Vũ Hà	My	25D212032	K61UUI1	iELTS6			
21	Nguyễn Hải	Nam	25D212080	K61UUI2	iELTS5.5			
22	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	25D212128	K61UUI3	iELTS7			
23	Nguyễn Bảo	Ngân	25D212033	K61UUI1	iELTS7			
24	Dương Khánh	Ngọc	25D212034	K61UUI1	iELTS6			
25	Hà Minh	Ngọc	25D212082	K61UUI2	iELTS5.5			
26	Hoàng Khánh	Ngọc	25D212130	K61UUI3	iELTS6.5			
27	Lê Minh	Ngọc	25D212035	K61UUI1	iELTS5			
28	Nguyễn Linh	Ngọc	25D212083	K61UUI2	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Phạm Thanh	Nhân	25D212131	K61UUI3	iELTS5.5			
30	Mai Bá	Nhật	25D212084	K61UUI2	iELTS6			
31	Nguyễn Ý	Như	25D212085	K61UUI2	iELTS6			
32	Đào Nhất	Phi	25D212133	K61UUI3	iELTS5.5			
33	Thế Gia	Phi	25D212038	K61UUI1	iELTS5.5			
34	Chu Hải	Phong	25D212086	K61UUI2	iELTS5.5			
35	Nguyễn An	Phú	25D212134	K61UUI3	iELTS5			
36	Nguyễn Tuấn	Phú	25D212039	K61UUI1	iELTS6.5			
37	Vũ Thị Khánh	Phương	25D212087	K61UUI2	iELTS5.5			
38	Vũ Thu	Phương	25D212135	K61UUI3	iELTS5.5			
39	Nguyễn Hồng	Quân	25D212040	K61UUI1	iELTS5			
40	Trần Văn	Sáng	25D212088	K61UUI2	iELTS6.5			
41	Nguyễn Trung	Son	25D212136	K61UUI3	iELTS6			
42	Phạm Gia	Thành	25D212137	K61UUI3	iELTS6			
43	Lê Quang	Thắng	25D212089	K61UUI2	iELTS5	7.25		
44	Nguyễn Thu	Thủy	25D212138	K61UUI3	iELTS5.5			
45	Vũ Phương	Thúy	25D212042	K61UUI1	iELTS6	7		
46	Nguyễn Anh	Thư	25D212090	K61UUI2	iELTS6	7		
47	Lê Trần Huyền	Trang	25D212139	K61UUI3	iELTS6.5			
48	Mai Huyền	Trang	25D212043	K61UUI1	iELTS5			
49	Nguyễn Hoàng	Trang	25D212091	K61UUI2	iELTS5.5			
50	Nguyễn Hương Minh	Trang	25D212140	K61UUI3	iELTS6			
51	Nguyễn Quỳnh	Trang	25D212044	K61UUI1		9		
52	Nguyễn Xuân	Trang	25D212092	K61UUI2	iELTS5			
53	Phạm Ngọc	Trang	25D212141	K61UUI3	iELTS5.5			
54	Lê Ngọc	Trâm	25D212093	K61UUI2	iELTS5.5			
55	Phạm Khánh	Trung	25D212142	K61UUI3	iELTS6			
56	Nguyễn Mai Anh	Tú	25D212046	K61UUI1	iELTS6			
57	Nguyễn Thanh	Tú	25D212094	K61UUI2	iELTS5.5			
58	Trần Lê Phương	Uyên	25D212047	K61UUI1	iELTS5			
59	Trần Hoa Tường	Vi	25D212095	K61UUI2	iELTS5.5			
60	Trịnh Quốc	Vinh	25D212143	K61UUI3	iELTS5.5			
61	Nguyễn Hải	Vũ	25D212048	K61UUI1	iELTS5.5			
62	Bùi Đặng Lan	Vy	25D212096	K61UUI2	iELTS5			
63	Nguyễn Hải	Yến	25D212144	K61UUI3	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Đặng Khánh	An	25D212001	K61UUI1	iELTS5.5			
65	Mạc Thảo	An	25D212049	K61UUI2	iELTS5			
66	Nguyễn Đại	An	25D212097	K61UUI3	iELTS5			
67	Nguyễn Hà	An	25D212002	K61UUI1	iELTS5.5			
68	Nguyễn Trường	An	25D212050	K61UUI2	iELTS5.5	7		
69	Chu Ngọc	Anh	25D212098	K61UUI3	iELTS5.5			
70	Đặng Châu	Anh	25D212051	K61UUI2	iELTS6.5			
71	Lê Việt	Anh	25D212099	K61UUI3	iELTS5.5			
72	Nguyễn Mai	Anh	25D212004	K61UUI1	iELTS7.5	7.5		
73	Nguyễn Minh	Anh	25D212052	K61UUI2	iELTS6			
74	Nguyễn Ngọc Vy	Anh	25D212005	K61UUI1	iELTS5.5			
75	Nguyễn Tâm	Anh	25D212053	K61UUI2	iELTS5.5			
76	Trần Bảo Phương	Anh	25D212101	K61UUI3	iELTS5.5			
77	Trần Thị Vân	Anh	25D212054	K61UUI2	iELTS5			
78	Nguyễn Minh	Ánh	25D212102	K61UUI3	iELTS5.5			
79	Đỗ Nguyên	Bảo	25D212007	K61UUI1	iELTS5.5			
80	Phan Trần Ngọc	Bảo	25D212055	K61UUI2	iELTS5.5			
81	Lê Xuân	Bắc	25D212103	K61UUI3	iELTS5.5			
82	Ngô Thị An	Bình	25D212008	K61UUI1	iELTS5			
83	Trần Minh	Cảnh	25D212056	K61UUI2		8		
84	Lê Thị Minh	Châu	25D212009	K61UUI1	iELTS5.5			
85	Nguyễn Ngọc Diệu	Châu	25D212057	K61UUI2	iELTS5			
86	Phạm Thanh	Châu	25D212104	K61UUI3	iELTS5.5			
87	Bùi Khánh	Chi	25D212010	K61UUI1	iELTS5.5			
88	Nghiêm Quỳnh	Chi	25D212058	K61UUI2	iELTS6.5			
89	Nguyễn Đỗ Hồng	Chi	25D212105	K61UUI3	iELTS5.5	7		
90	Nguyễn Linh	Chi	25D212011	K61UUI1	iELTS6			
91	Nguyễn Phương	Chi	25D212106	K61UUI3	iELTS5.5			
92	La Thùy	Chinh	25D212012	K61UUI1	iELTS5			
93	Nguyễn Đăng Thành	Công	25D212107	K61UUI3	iELTS6			
94	Đồng Hoàng	Dũng	25D212060	K61UUI2	iELTS5.5			
95	Phạm Thuý	Dương	25D212108	K61UUI3	iELTS6			
96	Nguyễn Đình	Đạt	25D212013	K61UUI1	iELTS5.5			
97	Khúc Phạm Hải	Đăng	25D212109	K61UUI3	iELTS6			
98	Nguyễn Minh	Đức	25D212014	K61UUI1	iELTS5.5			

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
99	Nguyễn Xuân	Đức	25D212062	K61UUI2	iELTS5			
100	Khổng Vũ Minh	Giang	25D212110	K61UUI3	iELTS6.5			
101	Nguyễn Thị Hà	Giang	25D212015	K61UUI1	iELTS6			
102	Nguyễn Thu	Hà	25D212063	K61UUI2	iELTS5.5			
103	Trần Hoàng	Hải	25D212111	K61UUI3	iELTS6			
104	Trần Mỹ	Hạnh	25D212016	K61UUI1	iELTS5			
105	Lê Thị Minh	Hằng	25D212112	K61UUI3		7.25		
106	Nguyễn Gia	Hân	25D212017	K61UUI1	iELTS5.5			
107	Nguyễn Phạm Gia	Hân	25D212065	K61UUI2	iELTS5.5			
108	Đặng Minh	Hậu	25D212113	K61UUI3	iELTS5.5			
109	Đinh Thanh	Hiền	25D212018	K61UUI1	iELTS5.5	7		
110	Vũ Thu	Hiền	25D212066	K61UUI2	SAT1140	8.75		
111	Tạ Gia	Hiền	25D212114	K61UUI3	iELTS5			
112	Nguyễn Tiến Lâm	Huy	25D212019	K61UUI1	iELTS6			
113	Trần Gia	Huy	25D212067	K61UUI2	iELTS5			
114	Nguyễn Khánh	Huyền	25D212115	K61UUI3	iELTS5.5			
115	Phạm Quỳnh	Hương	25D212020	K61UUI1	iELTS5			
116	Trần Thảo	Hương	25D212068	K61UUI2	iELTS6			
117	Lê Ngọc	Khánh	25D212116	K61UUI3	iELTS5	7.25		
118	Phạm Gia	Khánh	25D212021	K61UUI1	iELTS7	8.5		
119	Nguyễn Bùi Minh	Khuê	25D212069	K61UUI2	iELTS5			
120	Nguyễn Mai	Lan	25D212117	K61UUI3	iELTS5.5			
121	Nguyễn Ngọc	Lan	25D212022	K61UUI1	iELTS5	7		
122	Bùi Thị Bằng	Linh	25D212118	K61UUI3	iELTS5.5			
123	Cao Phương	Linh	25D212023	K61UUI1	iELTS6			
124	Đỗ Phương	Linh	25D212071	K61UUI2	iELTS6.5			
125	Đỗ Phương	Linh	25D212119	K61UUI3	iELTS6.5	7		
126	Đỗ Thị Mai	Linh	25D212024	K61UUI1	iELTS6			



KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT CHUẨN ĐẦU VÀO TIẾNG ANH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG TRUNG THƯƠNG MẠI (IPOP)**

*(Kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
1	Bùi Bảo	Anh	25D104048	K61QTI2			8.5	
2	Đinh Huyền	Anh	25D104095	K61QTI3			8.5	
3	Đoàn Thị Ngọc	Anh	25D104002	K61QTI1			8.6	
4	Nguyễn Đức Quỳnh	Anh	25D104049	K61QTI2			8.5	
5	Nguyễn Thị Minh	Anh	25D104003	K61QTI1			8.1	
6	Nguyễn Trần Phương	Anh	25D104050	K61QTI2			8.3	
7	Trần Quỳnh	Anh	25D104097	K61QTI3			8.4	
8	Vũ Hoàng Lâm	Anh	25D104004	K61QTI1			8.5	
9	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	25D104051	K61QTI2			9.4	
10	Nguyễn Ngọc	Ánh	25D104098	K61QTI3			8	
11	Nguyễn Thị Kim	Ánh	25D104005	K61QTI1			8.5	
12	Trần Thị Hồng	Ánh	25D104052	K61QTI2			9.1	
13	Đoàn Thị Diệu	Châu	25D104099	K61QTI3			8.6	
14	Lê Linh	Chi	25D104006	K61QTI1			8.6	
15	Trần Thị Thùy	Dung	25D104100	K61QTI3			8.1	
16	Nguyễn Quang	Duy	25D104007	K61QTI1			8.5	
17	Phan Mỹ	Duyên	25D104054	K61QTI2			8.5	
18	Âu Thùy	Dương	25D104101	K61QTI3			8.3	
19	Đặng Thị Minh	Dương	25D104008	K61QTI1			8.4	
20	Nguyễn Thùy	Dương	25D104102	K61QTI3			8.9	
21	Đinh Tâm	Đan	25D104009	K61QTI1			8.1	
22	Bùi Hương	Giang	25D104056	K61QTI2			8.4	
23	Đào Ngọc	Hà	25D104010	K61QTI1			8.2	
24	Nguyễn Thị Thu	Hà	25D104104	K61QTI3			8.7	
25	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	25D104059	K61QTI2			9.2	
26	Nguyễn Thuý	Hằng	25D104106	K61QTI3			8.6	
27	Bế Gia	Hân	25D104013	K61QTI1			8.2	
28	Nguyễn Lê Anh	Hoa	25D104014	K61QTI1			9.5	

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
29	Đỗ Thị	Huyền	25D104109	K61QTI3			9.1	
30	Phí Hà	Huyền	25D104063	K61QTI2			8.3	
31	Nguyễn Hồ Quỳnh	Hương	25D104110	K61QTI3			8.1	
32	Đỗ Thị Bích	Hường	25D104017	K61QTI1			9.1	
33	Kiều Lê	Khanh	25D104111	K61QTI3			8.4	
34	Nguyễn Ngọc	Khánh	25D104064	K61QTI2			8.1	
35	Chu Anh	Kiệt	25D104065	K61QTI2			9.6	
36	Cao Đan	Lê	25D104019	K61QTI1			9.3	
37	Hà Hồng	Liên	25D104113	K61QTI3			9	
38	Lê Huyền	Linh	25D104067	K61QTI2			9.2	
39	Nghiêm Nhật	Linh	25D104114	K61QTI3			8.4	
40	Nguyễn Phương	Linh	25D104068	K61QTI2			9.1	
41	Trần Phan Thảo	Linh	25D104116	K61QTI3			8.3	
42	Vũ Mai	Linh	25D104023	K61QTI1			9.3	
43	Nguyễn Cẩm	Ly	25D104070	K61QTI2			8	
44	Nguyễn Hương	Ly	25D104117	K61QTI3			8	
45	Nguyễn Thạch Bảo	Ly	25D104024	K61QTI1			8.4	
46	Lê Ngọc	Mai	25D104071	K61QTI2			8.9	
47	Đỗ Thị Trà	My	25D104119	K61QTI3			8	
48	Đặng Thị Trà	My	25D104026	K61QTI1			8.8	
49	Hoàng Thị Trà	My	25D104073	K61QTI2			9.2	
50	Đỗ Thu	Nga	25D104074	K61QTI2			8.7	
51	Ngô Khánh	Ngọc	25D104027	K61QTI1			8.5	
52	Nguyễn Minh	Ngọc	25D104075	K61QTI2			8.4	
53	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	25D104123	K61QTI3			8.2	
54	Dương Hiền Yến	Nhi	25D104029	K61QTI1			9	
55	Ngô Lê Tuệ	Nhi	25D104077	K61QTI2			8.9	
56	Ngô Thị Yến	Nhi	25D104124	K61QTI3			8	
57	Phạm Thị	Ninh	25D104030	K61QTI1			8.5	
58	Lê Thị Minh	Phương	25D104031	K61QTI1			9.1	
59	Nguyễn Hạnh	Phương	25D104078	K61QTI2			8.2	
60	Nguyễn Phan Hà	Phương	25D104125	K61QTI3			9.1	
61	Lê Thị Thuý	Phượng	25D104032	K61QTI1			8	
62	Đỗ Thị Hồng	Quyên	25D104079	K61QTI2			8.3	
63	Nguyễn Diệu	Quỳnh	25D104127	K61QTI3			8.1	

STT	HỌ TÊN SV		MÃ SV	LHC	Điểm Chứng chỉ	Điểm thi TN môn Tiếng Anh	Điểm học bạ lớp 12 môn TA	Ghi chú
64	Nguyễn Như	Quỳnh	25D104034	K61QTI1			9	
65	Phạm Thị Như	Quỳnh	25D104081	K61QTI2			8.3	
66	Vũ Hoa	Quỳnh	25D104128	K61QTI3			9	
67	Lê Thị Huyền	Thanh	25D104035	K61QTI1			9	
68	Phạm Đình Tuấn	Thanh	25D104082	K61QTI2			8.2	
69	Nguyễn Hương	Thảo	25D104129	K61QTI3			8.5	
70	Nguyễn Linh	Thảo	25D104036	K61QTI1			8.3	
71	Phạm Thị Phương	Thảo	25D104130	K61QTI3			8.7	
72	Trần Phương	Thảo	25D104037	K61QTI1			9.3	
73	Nguyễn Lê Anh	Thơ	25D104084	K61QTI2			8	
74	Đặng Hoài	Thư	25D104085	K61QTI2			9	
75	Lê Thị	Thương	25D104132	K61QTI3			9.1	
76	Đỗ Mai	Trang	25D104086	K61QTI2			9.4	
77	Lê Hạnh	Trang	25D104040	K61QTI1			8.9	
78	Lê Quỳnh	Trang	25D104087	K61QTI2			9.5	
79	Nguyễn Thị Kiều	Trang	25D104134	K61QTI3			8	
80	Nguyễn Thị Thuý	Trang	25D104041	K61QTI1			9.1	
81	Thân Thị Thu	Trang	25D104135	K61QTI3			8.8	
82	Triệu Phương	Tranh	25D104089	K61QTI2			8	
83	Vũ Tú	Trâm	25D104043	K61QTI1			9.2	
84	Phạm Duy	Trung	25D104137	K61QTI3			8.4	
85	Nguyễn Ngọc	Tú	25D104044	K61QTI1			8.3	
86	Mai Thu	Uyên	25D104045	K61QTI1			9	
87	Trần Tường	Uyên	25D104139	K61QTI3			9.5	
88	Trần Khánh	Vi	25D104140	K61QTI3			8	
89	Đồng Hải	Yến	25D104094	K61QTI2			8	



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt